



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2009/QĐ-UBND

Vị Thanh, ngày 30 tháng 12 năm 2009

### **QUYẾT ĐỊNH**

#### **Ban hành Quy định về mức giá các loại đất năm 2010 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất;

Căn cứ Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất và Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2009/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc xác định khung giá các loại đất năm 2010 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức giá các loại đất năm 2010 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Thay thế Quyết định số 53/2008/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc ban hành Quy định về mức giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Những quy định trước đây trái với nội dung Quyết định này đều không còn hiệu lực thi hành.

Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Cục trưởng Cục Thuế căn cứ vào chính sách thuế và chế độ tài chính có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan Ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thị xã và các cơ quan, đơn vị, địa phương, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

*Nơi nhận:*

- VP Chính phủ (HN-TP.HCM);
- Bộ: Tài chính, TN & MT, Xây dựng;
- Tổng cục Thuế;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT:TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VP Tỉnh ủy, các Ban Đảng;
- UBMTTQ, các Đoàn thể tỉnh;
- TAND, VKSND tỉnh;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Phòng VB -TT, Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, NCTH. MK

**(Đã ký)**

**Huỳnh Minh Chấn**

ỦY BAN NHÂN  
DÂN  
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### QUY ĐỊNH

Về mức giá các loại đất năm 2010 trên địa bàn tỉnh Hậu Giang  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 42 /2009/QĐ-UBND  
ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định sử dụng làm căn cứ để:
  - a. Tính thuế đối với việc sử dụng đất và chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;
  - b. Tính tiền sử dụng đất và tiền thuê đất khi giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại Điều 34, 35 của Luật Đất đai năm 2003;
  - c. Tính tiền chuyển mục đích sử dụng đất cho các trường hợp quy định tại Điều 36 của Luật Đất đai năm 2003;
  - d. Tính giá trị quyền sử dụng đất khi giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân trong các trường hợp quy định tại Điều 33 của Luật Đất đai năm 2003;
  - đ. Xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của doanh nghiệp Nhà nước khi doanh nghiệp cổ phần hóa, lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật Đất đai năm 2003;
  - e. Tính giá trị quyền sử dụng đất để thu lệ phí trước bạ theo quy định của pháp luật;
  - g. Tính giá trị quyền sử dụng đất để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển kinh tế quy định tại Điều 39, 40 của Luật Đất đai năm 2003;
  - h. Tính tiền bồi thường đối với người có hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà gây thiệt hại cho Nhà nước theo quy định của pháp luật.
2. Trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, thì mức giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất hoặc trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất không được thấp hơn mức giá theo quy định tại Quyết định này.

3. Không áp dụng đối với trường hợp người có quyền sử dụng đất thỏa thuận về giá đất khi thực hiện các quyền chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

## **Điều 2. Khung giá các loại đất**

Khung giá đất ban hành kèm theo Quyết định này được quy định cho các loại đất gồm:

### **1. Đối với nhóm đất nông nghiệp:**

- a. Đất trồng cây hàng năm;
- b. Đất trồng cây lâu năm;
- c. Đất nuôi trồng thủy sản;
- d. Đất rừng sản xuất;
- đ. Đất nông nghiệp khác.

2. Đối với nhóm đất phi nông nghiệp (quy định tại Khoản 5 Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ và Điểm b, Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ) được chia ra phường, thị trấn và xã:

- a. Đất ở;
- b. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp;
- c. Các loại đất phi nông nghiệp khác.

## **Chương II ĐỊNH GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT**

### **Điều 3. Giá đất nông nghiệp**

1. Giá đất nông nghiệp được xác định theo vị trí quy định tại Điểm b Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất. Vị trí của đất được xác định căn cứ vào khoảng cách từ nơi cư trú của cộng đồng người sử dụng đất tới nơi sản xuất, khoảng cách từ nơi sản xuất tới thị trường tiêu thụ tập trung và mức độ thuận tiện về giao thông. Phân biệt các vị trí đất có kết hợp giữa yếu tố khoảng cách với các yếu tố chất đất, địa hình, khí hậu, thời tiết và điều kiện tưới tiêu được phân biệt trên cơ sở địa giới hành chính áp kết hợp với các ranh giới tự nhiên.

2. Giá đất nông nghiệp khác tính theo giá đất nông nghiệp liền kề hoặc ở khu vực lân cận trong cùng địa bàn tỉnh.

3. Bảng giá và vị trí đất nông nghiệp tại thị xã và các huyện được tính theo phụ lục đính kèm riêng cho từng địa bàn cấp huyện.

#### **Điều 4. Giá đất phi nông nghiệp**

1. Đối với đất ở tại xã: được xếp theo vị trí của từng loại đất để định giá, vị trí từng loại đất trong mỗi xã được chia làm 3 khu vực thuộc địa giới hành chính cấp xã.

a. Khu vực 1 (thâm hậu 30 mét): đất có mặt tiền tiếp giáp với trục đường giao thông chính (quốc lộ, Đường tỉnh, đường huyện quản lý), nằm tại trung tâm xã hoặc cụm xã (gần UBND xã; trường học; chợ; trạm y tế); gần khu thương mại và dịch vụ, khu du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất hoặc không nằm tại khu vực tại trung tâm xã nhưng gần đầu mỗi giao thông hoặc gần chợ xã. Giá đất căn cứ vào vị trí, cấp loại đường và điều kiện sinh lợi của từng đoạn đường phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương và tính theo phụ lục đính kèm riêng cho từng địa bàn cấp huyện.

b. Khu vực 2 (thâm hậu 30 mét): nằm ven các trục đường giao thông liên ấp, tiếp giáp với khu vực trung tâm xã, cụm xã, khu thương mại và dịch vụ, khu du lịch, khu chế xuất; cặp sông, kênh cấp 1, 2, 3 quy định theo TCVN 5664 - 1992 ban hành kèm theo Quyết định số 347/QĐ ngày 23 tháng 5 năm 1992 của Ủy ban Khoa học Nhà nước; mặt đường đã phủ nhựa, đã gia cố nền (lót đá) và trải đá xô bồ hay láng xi măng hoặc đổ bê tông (đá 1x2). Giá đất ở bằng 105.000 đồng/m<sup>2</sup>.

Căn cứ vào quy định trên và các văn bản pháp luật có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã có trách nhiệm xác định và ban hành danh mục các đường và sông, kênh cấp 1, 2, 3 sau khi thỏa thuận với Sở Tài Nguyên và Môi trường.

c. Khu vực 3: là những khu vực còn lại trên địa bàn xã. Giá đất ở bằng 70.000 đồng/m<sup>2</sup>.

2. Giá đất ở tại phường, thị trấn: được xếp theo loại đường phố (nếu có) và vị trí đất để định giá.

a. Về phân loại vị trí, đường phố như sau:

Mỗi đường ở phường, thị trấn có cùng kết cấu hạ tầng được phân thành một loại đường phố suốt cho cả con đường, nhưng tùy theo mức sinh lợi từng đoạn đường của loại đường đó mà có mức giá khác nhau.

Mỗi loại đường chia ra thành 5 vị trí (nếu có):

- Vị trí 1: Áp dụng đối với đất liền cạnh đường phố (mặt tiền), giá đất bằng 100% giá đất đoạn đường đó.

- Vị trí 2: Áp dụng đối với đất trong hẻm của đường phố có điều kiện sinh hoạt thuận lợi; mặt đường của hẻm đã phủ nhựa và bề mặt lộ phải có độ rộng tối thiểu là 3,5m (không tính vỉa hè đường và hành lang an toàn nếu có). Giá đất bằng 60% giá đất của vị trí 1 của cùng đoạn đường đó.

- Vị trí 3: Áp dụng các trường hợp sau:

+ Đối với các thửa đất nằm phía sau tiếp giáp với thửa đất có mặt tiền (không liền thửa), giá đất bằng 40% giá đất vị trí 1 của cùng đoạn đường đó.

+ Đối với hẻm của đường phố có điều kiện sinh hoạt kém hơn vị trí 2; mặt đường của hẻm đã phủ nhựa và bề mặt lộ phải có độ rộng tối thiểu là 2,5m và dưới 3,5m (không tính vỉa hè đường và hành lang an toàn nếu có), giá đất bằng 40% giá đất vị trí 1 của cùng đoạn đường đó.

- Vị trí 4: Áp dụng các trường hợp sau:

+ Đối với thửa đất nằm phía sau tiếp giáp với thửa đất vị trí 3, giá đất bằng 20% giá đất vị trí 1 của cùng đoạn đường.

+ Các hẻm của đường phố không đủ tiêu chuẩn xếp vào vị trí 3 và các hẻm thuộc hẻm tại vị trí 2, vị trí 3 nêu trên (hẻm của hẻm), giá đất bằng 20% giá đất vị trí 1 của cùng đoạn đường.

Danh mục hẻm thuộc vị trí 3 và 4, giao Ủy ban nhân dân huyện, thị xã ban hành sau khi thỏa thuận với Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Vị trí 5: Các vị trí còn lại, giá đất bằng 10% giá đất vị trí 1 của cùng đoạn đường nhưng không được thấp hơn 105.000 đồng/m<sup>2</sup>.

b. Đối với đất ở xen kẽ trong đất nông nghiệp nằm trong phường, thị trấn nhưng chưa có cơ sở hạ tầng (không thuộc 5 vị trí của đường phố), giá đất ở bằng 105.000 đồng/m<sup>2</sup>.

3. Các đường giao thông liên ấp, khu vực (rộng từ 1,5m đến dưới 2,5m và mặt đường láng xi măng hoặc đã phủ nhựa) tiếp giáp với trục giao thông chính (quốc lộ, Đường tỉnh), giá đất ở tính bằng 20% giá đất ở của trục giao thông chính được tính từ vị trí liền sau thâm hậu và được kéo dài thêm 150 mét nhưng không thấp hơn 105.000 đồng/m<sup>2</sup>, còn lại tính bằng 105.000 đồng/m<sup>2</sup>.

4. Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp được tính bằng 50% giá đất ở liền kề nhưng không thấp hơn 105.000 đồng/m<sup>2</sup> đối với phường và thị trấn, không thấp hơn 70.000 đồng/m<sup>2</sup> đối với xã. Ngoài ra những trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thì giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 145/2007/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

5. Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; đất tôn giáo, tín ngưỡng (bao gồm đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng, đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ); đất phi nông nghiệp khác (bao gồm đất xây dựng nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, cơ sở sáng tác văn hóa nghệ thuật), giá đất được tính theo giá đất ở liền kề hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất (trường hợp không có đất liền kề).

6. Đối với đất sử dụng vào mục đích công cộng theo quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ và các loại đất phi nông nghiệp khác (bao gồm đất cho các công trình xây dựng khác của tư nhân không nhằm mục đích kinh doanh và không gắn liền với đất ở; đất làm nhà nghỉ, lán, trại cho người lao động; đất khu vực phường, thị trấn được sử dụng để xây dựng nhà phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; đất xây dựng chuồng trại chăn nuôi động vật được pháp luật cho phép; đất xây dựng trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; đất xây dựng nhà kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp), giá đất được tính theo giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp liền kề hoặc tại vùng lân cận gần nhất (trường hợp không có đất liền kề).

7. Đối với đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, giá đất được tính theo giá loại đất liền kề. Trường hợp loại đất trên liền kề với nhiều loại đất khác nhau, thì căn cứ vào giá của loại đất có mức giá thấp nhất.

8. Giá đất ở tại phường, thị trấn và xã được tính theo phụ lục đính kèm riêng cho từng địa bàn cấp huyện.

### **Điều 5. Một số quy định khi áp dụng giá đất**

#### **1. Thâm hậu của thửa đất ở**

##### **a. Thửa đất ở để tính thâm hậu được xác định như sau:**

- Thửa đất ở để tính thâm hậu được xác định từ chỉ giới đường đỏ theo quy hoạch được duyệt. Nếu quy hoạch xây dựng mới mà tại thời điểm xác định tính thâm hậu chưa có quyết định thu hồi đất theo quy định và chưa giải phóng mặt bằng xong thì theo chỉ giới đường đỏ đã được quy hoạch trước đó.

- Trường hợp chưa có quy hoạch, căn cứ vào chân taluy đường (nếu không có chân taluy đường, tính từ chân đường).

- Thâm hậu của thửa đất ở được tính 20 mét đầu đối với đất tại phường, thị trấn và 30 mét đầu đối với đất tại xã.

b. Đối với thửa đất ở mà chiều sâu lớn hơn 20 mét đối với phường, thị trấn; lớn hơn 30 mét đối với xã thì giá đất ở thâm hậu trên 20 mét (phường, thị trấn) và trên 30 mét (xã) đến hết thửa được tính, như sau:

- Đối với đất ở mặt tiền thuộc vị trí 1, phần đất còn lại liền sau thâm hậu được tính bằng 60% giá đất của vị trí 1.

- Đối với đất ở thuộc các vị trí còn lại (vị trí 2, 3, 4, 5), phần đất còn lại liền sau thâm hậu được tính bằng 60% giá đất ở của từng vị trí còn lại nhưng không thấp hơn giá 105.000 đồng/m<sup>2</sup>.

#### **2. Đất tại góc ngã ba, ngã tư giao lộ**

##### **a. Đối với thửa đất có vị trí tiếp giáp mặt tiền với hai loại đường chính, bất kể cửa**

**chính của căn nhà quay về phía mặt đường nào thì tính giá theo vị trí 1 có giá đất**

cao hơn trong hai loại đường đó. Trường hợp thửa đất có chiều dài bằng hoặc dưới 40 mét, thì phần ngoài thâm hậu được tính giá theo vị trí 1 của đường còn lại.

Trường hợp thửa đất có chiều dài trên 40 mét, phần thâm hậu được tính chia đều cho cả 2 loại đường đó.

b. Trường hợp thửa đất giáp mặt tiền với ngã ba đường chính trở lên có mức giá khác nhau thì được tính ưu tiên theo giá đất của loại đường chính cao hơn theo thứ tự thấp dần; phần sau thâm hậu cũng tính tương tự.

c. Đối với đất trong hẻm cũng tính tương tự như trên.

3. Đối với các khu và cụm công nghiệp, khu tái định cư, các tuyến đường chưa hoàn chỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành giá đất riêng.

4. Khu vực đất giáp ranh

a. Giá đất tại khu vực giáp ranh với các tỉnh, thành phố; giáp ranh giữa các huyện, các xã và các đoạn đường trên cùng một đường có điều kiện tự nhiên, kết cấu hạ tầng như nhau, có cùng mục đích sử dụng hiện tại, cùng mục đích sử dụng theo quy hoạch nhưng có điều kiện kinh tế, xã hội, các chính sách thu hút đầu tư khác nhau, thì mức giá khác nhau và chênh lệch tối đa không quá 30%.

Trường hợp đặc biệt đoạn đường đi ngang qua các chợ hoặc các trung tâm thương mại, tại khu vực giáp ranh có điều kiện tự nhiên, kết cấu hạ tầng như nhau nhưng mức sinh lợi có sự khác biệt lớn thì giá đất tại khu vực đất giáp ranh được xác định căn cứ vào điều kiện thực tế đó của từng khu vực để quyết định.

b. Đối với các thửa đất nằm giữa vùng giáp ranh có giá khác nhau:

- Thửa đất nằm ngang qua ranh giới, diện tích nằm trên phạm vi giá đất nào, tính theo giá đất đó.

- Thửa đất nằm dọc theo ranh giới, tính theo giá đất cao hơn.

- Trường hợp mốc giáp ranh nằm một bên đường, kéo thẳng góc với tim đường để xác định mốc giáp ranh bên kia đường (dùng xác định ranh giới hạn đoạn đường).

### **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 6. Điều chỉnh giá đất**

Việc điều chỉnh giá đất thực hiện khi giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường của những loại đất, vị trí đất nhất định có biến động (biến động mang tính cục bộ) liên tục kéo dài trong thời hạn 60 ngày trở lên, gây nên

chênh lệch giá lớn; giảm từ 10% trở lên và tăng từ 20% trở lên so với giá quy định tại Quyết định này giao Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án trình xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh lại giá đất mới phù hợp theo các quy định hiện hành trước khi quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

#### **Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Các hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, nộp tiền sử dụng đất, nộp lệ phí trước bạ,... liên quan đến các tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước nhận trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa xử lý xong, các cơ quan liên quan phải chỉ đạo lập bản kê khóa sổ và tiếp tục thu theo giá quy định tại Quyết định số 53/2008/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc ban hành Quy định về mức giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Đối với các phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được phê duyệt và có kế hoạch giải ngân, vẫn giữ nguyên và không điều chỉnh theo mức giá quy định tại Quyết định này.

2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan xác định giá đất cụ thể hàng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo luật định; lập kế hoạch thực hiện giá đất, tổ chức mạng lưới theo dõi, thống kê giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường, định kỳ báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**(Đã ký)**

**Huỳnh Minh Chấn**

## Phụ lục VỊ TRÍ VÀ GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 42 /2009/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2009  
của UBND tỉnh Hậu Giang)

### I. THỊ XÃ VỊ THANH

#### 1. Đất nông nghiệp

##### a. Đơn giá

Đơn

| Vị trí | Giá đất | Đất trồng cây hàng năm và đất nuôi trồng thủy sản |        | Đất trồng cây lâu năm |   |
|--------|---------|---------------------------------------------------|--------|-----------------------|---|
|        |         | Xã                                                | Phường | Xã                    | I |
| 1      |         | 40.000                                            | 45.000 | 50.000                |   |
| 2      |         | 35.000                                            | 40.000 | 45.000                |   |
| 3      |         | 30.000                                            | 35.000 | 40.000                |   |
| 4      |         | 25.000                                            | 30.000 | 35.000                |   |
| 5      |         | 20.000                                            | 25.000 | 30.000                |   |

##### b. Xác định vị trí

| Tên đơn vị  | Vị trí              |                        |                            |                                                        |              |
|-------------|---------------------|------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------|--------------|
|             | 1                   | 2                      | 3                          | 4                                                      |              |
| Phường I    | Khu vực: 1, 2, 3, 4 | -                      | -                          | -                                                      |              |
| Phường III  | Khu vực 1           | Khu vực: 2, 3, 6       | Khu vực: 4, 5              | -                                                      |              |
| Phường IV   | -                   | Khu vực: 2, 3, 4, 5, 6 | Khu vực 1                  | -                                                      |              |
| Phường V    | -                   | Khu vực: 1, 2, 3, 4, 5 | -                          | -                                                      |              |
| Phường VII  | -                   | Khu vực: 1, 3, 4       | Khu vực 2                  | -                                                      |              |
| Xã Vị Tân   | -                   | -                      | Ấp: 1, 3, 6                | Ấp: 2, 5                                               | Ấp:          |
| Xã Hoà Lự   | -                   | -                      | -                          | Ấp: Thạnh Lợi, Thạnh Phú, Mỹ 1, Thạnh Đông, Thạnh Bình | Ấp T         |
| Xã Tân Tiến | -                   | -                      | Ấp: Mỹ Hiệp 1 và Mỹ Hiệp 2 | Ấp: Thạnh Hòa 1, Mỹ Hiệp 3                             | Ấp: Thạn     |
| Xã Hoà Tiến | -                   | -                      | -                          | Ấp: Thạnh An, Thạnh Hòa 2                              | Ấp: Thạn Quố |

## 2. Đất ở tại xã

Đơn

| Số TT | Tên đường          | Giới hạn                |                    |
|-------|--------------------|-------------------------|--------------------|
|       |                    | Từ                      | Đến                |
| 1     | Quốc lộ 61         | Cầu Rạch Gốc            | Cầu Cái Tư         |
| 2     | Lê Hồng Phong      | Đường 19 tháng 8        | UBND xã Vị Tân     |
|       |                    | UBND xã Vị Tân          | Cầu Lung Nia       |
| 3     | Nguyễn Huệ nối dài | Kênh Tắc Huyện Phương   | Kênh Mười Thước    |
|       |                    | Kênh Mười Thước         | Kênh Cái Nhứt      |
| 4     | Đường kênh Cơ Nhì  | Cầu Nhà Cháy            | Lê Hồng Phong      |
| 5     | Đường 19 tháng 8   | Lê Hồng Phong           | Kênh 59            |
|       |                    | Kênh 59                 | Căn cứ Thị xã ủy   |
| 6     | Chiến Thắng        | Căn cứ Thị xã ủy        | Nguyễn Huệ nối dài |
| 7     | Lung Nia - Vị Tân  | Lê Hồng Phong           | Kênh 59            |
| 8     | Xẻo Xu             | Cầu Út Tiệm             | Ngã tư Vườn Cò     |
| 9     | Giải Phóng         | Cầu Thanh Phú           | Cầu Ba Cản         |
|       |                    | Cầu Ba Cản              | Cầu Kênh Mới       |
| 10    | Nội vi xã Hoà Lựu  | Kênh Đê - Cầu Thanh Phú | Kênh Trường Học    |
| 11    | Rạch Gốc           | Quốc lộ 61              | Kênh Tư Hương      |
|       |                    | Kênh Tư Hương           | Kênh Đê            |
| 12    | Phạm Hùng          | Quốc lộ 61              | Cầu Hóc Hỏa        |
|       |                    | Cầu Hóc Hỏa             | Vàm Kênh Năm       |
| 13    | Thanh Niên         | Cầu Kênh Năm            | Vàm Kênh Lầu       |
| 14    | Độc Lập            | Thanh Niên              | Sông Cái Lớn       |
| 15    | Đường Cái Lớn      | Vàm Kênh Năm            | Phạm Hùng          |

## 3. Đất ở tại phường

Đơn

| Số TT        | Tên đường     | Giới hạn         |                    |  |
|--------------|---------------|------------------|--------------------|--|
|              |               | Từ               | Đến                |  |
| Đường loại I |               |                  |                    |  |
| 1            | Trần Hưng Đạo | Cầu 2 tháng 9    | Nguyễn Thái Học    |  |
|              |               | Nguyễn Thái Học  | Cầu Cái Nhúc       |  |
|              |               | Cầu Cái Nhúc     | Lê Quý Đôn         |  |
|              |               | Lê Quý Đôn       | Cổng 1             |  |
|              |               | Cổng 1           | Nguyễn Viết Xuân   |  |
|              |               | Nguyễn Viết Xuân | Trạm Y tế phường 7 |  |

|   |                  |                      |                        |  |
|---|------------------|----------------------|------------------------|--|
|   |                  | Trạm Y tế phường 7   | Cầu Rạch Gốc           |  |
|   |                  | Cầu 2 tháng 9        | Cầu 30 tháng 4         |  |
|   |                  | Cầu 30 tháng 4       | Ngô Quốc Trị           |  |
|   |                  | Ngô Quốc Trị         | Giáp ranh đất công 406 |  |
|   |                  | Ranh đất công 406    | Cầu 406                |  |
|   |                  | Cầu 406              | Ranh Nghĩa Trang       |  |
|   |                  | Hết ranh Nghĩa Trang | Cổng Phi Trường        |  |
|   |                  | Cổng Phi Trường      | Cầu Ba Liên            |  |
| 2 | Châu Văn Liêm    | Trần Hưng Đạo        | Đoàn Thị Điềm          |  |
|   |                  | Đoàn Thị Điềm        | Nguyễn Công Trứ        |  |
| 3 | Đường 30 tháng 4 | Trần Hưng Đạo        | Đoàn Thị Điềm          |  |
|   |                  | Đoàn Thị Điềm        | Nguyễn Công Trứ        |  |
| 4 | Trung Trắc       | Đường 30 tháng 4     | Nguyễn Thái Học        |  |

| Số TT | Tên đường        | Giới hạn                     |                             | Đơn |
|-------|------------------|------------------------------|-----------------------------|-----|
|       |                  | Từ                           | Đến                         |     |
| 5     | Trung Nhị        | Đường 30 tháng 4             | Nguyễn Thái Học             |     |
| 6     | Lê Lai           | Trần Hưng Đạo                | Đoàn Thị Điềm               |     |
| 7     | Lê Lợi           | Trần Hưng Đạo                | Đoàn Thị Điềm               |     |
| 8     | Đường 1 tháng 5  | Trần Hưng Đạo                | Nguyễn Công Trứ             |     |
| 9     | Nguyễn Thái Học  | Trần Hưng Đạo                | Nguyễn Công Trứ             |     |
|       |                  | Nguyễn Công Trứ              | Đô Chiểu                    |     |
| 10    | Đoàn Thị Điềm    | Châu Văn Liêm                | Đường 30 tháng 4            |     |
|       |                  | Đường 30 tháng 4             | Nguyễn Thái Học             |     |
| 11    | Nguyễn Công Trứ  | Đường 1 tháng 5              | Cầu Nguyễn Công Trứ         |     |
| 12    | Đường 3 tháng 2  | Trần Hưng Đạo                | Ngô Quốc Trị                |     |
|       |                  | Ngô Quốc Trị                 | Cầu Miếu                    |     |
|       |                  | Cầu Miếu                     | Hết dây phân cách 3 tháng 2 |     |
|       |                  | Ranh dây phân cách 3 tháng 2 | Hết ranh thị xã             |     |
| 13    | Nguyễn Việt Hồng | Đường 30 tháng 4             | Nguyễn Thái Học             |     |
| 14    | Cô Giang         | Trần Hưng Đạo                | Trung Trắc                  |     |
| 15    | Cô Bắc           | Trần Hưng Đạo                | Trung Trắc                  |     |
| 16    | Cai Thuyết       | Trần Hưng Đạo                | Trung Trắc                  |     |
| 17    | Nguyễn Khắc Nhu  | Trần Hưng Đạo                | Trung Trắc                  |     |
| 18    | Phó Đức Chính    | Trần Hưng Đạo                | Trung Trắc                  |     |
| 19    | Chiêm Thành Tấn  | Trần Hưng Đạo                | Trung Trắc                  |     |
|       |                  | Trung Trắc                   | Nguyễn Công Trứ             |     |

|                      |                    |                 |                    |
|----------------------|--------------------|-----------------|--------------------|
| 20                   | Hải Thượng Lãn Ông | Hẻm 2           | Kênh hậu Bệnh Viện |
| <b>Đường loại II</b> |                    |                 |                    |
| 21                   | Ngô Quốc Trị       | Trần Hưng Đạo   | Đường 3 tháng 2    |
| 22                   | Lê Văn Tám         | Đường 1 tháng 5 | Hải Thượng Lãn Ông |
| 23                   | Kim Đồng           | Đường 1 tháng 5 | Hải Thượng Lãn Ông |
| 24                   | Trần Quang Diệu    | Suốt đường      |                    |

Đơn

| Số TT | Tên đường                  | Giới hạn             |                 |
|-------|----------------------------|----------------------|-----------------|
|       |                            | Từ                   | Đến             |
| 25    | Hồ Xuân Hương              | Nguyễn Công Trứ      | Hồ Sen          |
| 26    | Hoàng Hoa Thám             | Nguyễn Thái Học      | Chiêm Thành Tấn |
| 27    | Phan Bội Châu              | Nguyễn Thái Học      | Chiêm Thành Tấn |
| 28    | Phan Chu Trinh             | Nguyễn Thái Học      | Chiêm Thành Tấn |
| 29    | Trần Ngọc Quế              | Nguyễn Công Trứ      | Cầu Hồ Tam Giác |
|       |                            | Cầu Hồ Tam Giác      | Cầu Vị Thắng    |
|       |                            | Cầu Vị Thắng         | Kênh Xáng Hậu   |
| 30    | Trần Quốc Toản             | Đường 1 tháng 5      | Châu Văn Liêm   |
| 31    | Khu dân cư KV 1 - Phường 1 | Đường theo quy hoạch |                 |
| 32    | Lý Tự Trọng                | Trần Hưng Đạo        | Nguyễn Văn Trỗi |
| 33    | Phạm Hồng Thái             | Lê Quý Đôn           | Võ Thị Sáu      |
| 34    | Huỳnh Phan Hộ              | Lê Quý Đôn           | Võ Thị Sáu      |
| 35    | Lê Văn Nhung               | Lê Quý Đôn           | Lý Tự Trọng     |
| 36    | Trần Hoàng Na              | Lê Quý Đôn           | Lý Tự Trọng     |
| 37    | Lê Bình                    | Lê Quý Đôn           | Lý Tự Trọng     |

|                       |                   |                 |                       |
|-----------------------|-------------------|-----------------|-----------------------|
| <b>Đường loại III</b> |                   |                 |                       |
| 38                    | Nguyễn Văn Trỗi   | Cầu Cái Nhúc 2  | Cổng 1                |
| 39                    | Võ Thị Sáu        | Trần Hưng Đạo   | Nguyễn Văn Trỗi       |
| 40                    | Lê Quý Đôn        | Trần Hưng Đạo   | Nguyễn Văn Trỗi       |
| 41                    | Nguyễn Trãi       | Lê Hồng Phong   | Kênh Tắc Huyện Phương |
| 42                    | Đồ Chiểu          | Nguyễn Công Trứ | Kênh Quan Đế          |
| 43                    | Lưu Hữu Phước     | Đồ Chiểu        | Trần Ngọc Quế         |
| 44                    | Ngô Hữu Hạnh      | Triệu Thị Trinh | Nguyễn Công Trứ       |
| 45                    | Nguyễn Trung Trực | Ngã ba Chợ      | Chùa ông Bồn          |
| 46                    | Phan Văn Trị      | Trần Hưng Đạo   | Nguyễn Trung Trực     |
| 47                    | Bùi Hữu Nghĩa     | Trần Hưng Đạo   | Nguyễn Trung Trực     |

Đơn

| Số TT | Tên đường                             | Giới hạn                 |                       |  |
|-------|---------------------------------------|--------------------------|-----------------------|--|
|       |                                       | Từ                       | Đến                   |  |
| 48    | Chu Văn An                            | Trần Hưng Đạo            | Hồ Sen                |  |
| 49    | Mạc Đình Chi                          | Trần Hưng Đạo            | Hồ Sen                |  |
| 50    | Đường nội vi phường 7                 | Trần Hưng Đạo            | Bãi bùn Nhà máy đường |  |
| 51    | Nguyễn Huệ                            | Kênh 59                  | Kênh Ba Quảng         |  |
|       |                                       | Kênh Ba Quảng            | Kênh Tắc Huyện Phương |  |
| 52    | Lý Thường Kiệt                        | Nguyễn Trãi              | Nguyễn Huệ            |  |
| 53    | Đường nối Nguyễn Trãi - Lê Hồng Phong | Nguyễn Trãi              | Lê Hồng Phong         |  |
| 54    | Lê Hồng Phong                         | Đường 3 tháng 2          | Cầu 30 tháng 4        |  |
|       |                                       | Cầu 30 tháng 4           | Hẻm 2                 |  |
|       |                                       | Hẻm 2                    | Hẻm 7                 |  |
|       |                                       | Hẻm 7                    | Cổng Ba Huệ           |  |
|       |                                       | Cổng Ba Huệ              | Đường 19 tháng 8      |  |
| 55    | Bùi Thị Xuân                          | Trần Hưng Đạo            | Nguyễn Văn Trỗi       |  |
| 56    | Cao Thắng                             | Trần Hưng Đạo            | Nguyễn Văn Trỗi       |  |
| 57    | Trần Văn Hoài                         | Cao Thắng                | Nguyễn Văn Trỗi       |  |
| 58    | Triệu Thị Trinh                       | Nguyễn Thái Học          | Trần Ngọc Quế         |  |
| 59    | Nội vi chợ phường 4                   | Các đường theo quy hoạch |                       |  |
| 60    | Đường dân cư phường 3                 | Cao Thắng                | Trần Văn Hoài         |  |

**Đường loại IV**

|    |                         |                         |                      |  |
|----|-------------------------|-------------------------|----------------------|--|
| 61 | Nội vi khu Công an      | Suốt đường              |                      |  |
| 62 | Đường 1 tháng 5 nối dài | Kênh hậu Bệnh Viện      | Kênh Xáng Hậu        |  |
|    |                         | Kênh Mương Lộ 3 tháng 2 | Trần Ngọc Quế        |  |
| 63 | Nguyễn Viết Xuân        | Trần Hưng Đạo           | Cầu Nguyễn Viết Xuân |  |
|    |                         | Cầu Nguyễn Viết Xuân    | Kênh Xáng Hậu        |  |

Đơn

| Số TT | Tên đường | Giới hạn                |              |  |
|-------|-----------|-------------------------|--------------|--|
|       |           | Từ                      | Đến          |  |
| 64    | Vị Bình   | Kênh Mương Lộ 3 tháng 2 | Cổng Mười Hạ |  |
|       |           | Cổng Mười Hạ            | Nhà Chín Sốc |  |
|       |           | Nhà Chín Sốc            | Cầu Út Vện   |  |
|       |           | Cầu Út Vện              | Cầu Út Tiệm  |  |

|    |                            |                                        |                    |  |
|----|----------------------------|----------------------------------------|--------------------|--|
|    |                            | Cầu Út Tiệm                            | Kênh Tập Đoàn 2    |  |
|    |                            | Kênh Tập Đoàn 2                        | Ngã tư Vườn Cò     |  |
| 65 | Vị Bình B                  | Kênh Vị Bình                           | Kênh ranh Vị Thủy  |  |
| 66 | Đường Kênh Tắc Vị Bình     | Cầu Xáng Hậu                           | Kênh Vị Bình       |  |
| 67 | Đồng Khởi                  | Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp | Kênh Xáng Hậu      |  |
|    |                            | Kênh Xáng Hậu                          | Cầu Thanh Phú      |  |
| 68 | Nguyễn Thị Minh Khai       | Kênh Mương Lộ 62                       | Kênh Mò Om         |  |
|    |                            | Kênh Mò Om                             | Cầu Nhà Cháy       |  |
| 69 | Lê Thị Hồng Gấm            | Kênh Mương Lộ 62                       | Nguyễn Huệ nối dài |  |
| 70 | Đường Xà No                | Kênh Mương Lộ 62                       | Kênh Điểm Tựa      |  |
| 71 | Nội vi đường Trường Phụ Nữ | Các đường còn lại                      |                    |  |

## II. HUYỆN VỊ THUY

### 1. Đất nông nghiệp

#### a. Đơn giá

| Giá đất<br>Vị trí |  | Đất trồng cây hàng năm và đất nuôi trồng thủy sản |          | Đất trồng cây lâu năm |          |
|-------------------|--|---------------------------------------------------|----------|-----------------------|----------|
|                   |  | Xã                                                | Thị trấn | Xã                    | Thị trấn |
| 1                 |  | 35.000                                            | 40.000   | 40.000                | 45.000   |
| 2                 |  | 30.000                                            | 35.000   | 35.000                | 40.000   |
| 3                 |  | 25.000                                            | 30.000   | 30.000                | 35.000   |
| 4                 |  | 20.000                                            | 25.000   | 25.000                | 30.000   |

#### b. Xác định vị trí

| Tên đơn vị        | Vị trí                                                                                                                                           |                                                          |                                                                                    |         |
|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|                   | 1                                                                                                                                                | 2                                                        | 3                                                                                  |         |
| Thị trấn Nàng Mau | Ấp 1 (giới hạn QL 61 - kênh 2 Lai - kênh Nàng Mau - kênh Xáng Hậu);<br>ấp 2 (giới hạn QL 61 - kênh Nàng Mau - ranh Vị Thắng - Đường tránh QL 61) | Ấp: 3, 4, 5 và phần còn lại của ấp 1, 2                  | -                                                                                  |         |
| Xã Vị Thắng       | -                                                                                                                                                | Ấp: 8, 12; 9 và 11 (cặp QL 61)                           | Ấp: 9 và 11 (phía mường lộ QL 61, giới hạn từ QL61 đến giáp ấp 10);<br>ấp 6, 7, 10 |         |
| Xã Vĩnh Trung     | -                                                                                                                                                | -                                                        | -                                                                                  | Ấp 8,   |
| Xã Vĩnh Tường     | -                                                                                                                                                | -                                                        | Ấp: Xuân Thọ, Vĩnh Lộc, Vĩnh Hòa, Vĩnh Thuận, Vĩnh Hiếu                            | Ấp T, T |
| Xã Vĩnh Thuận Tây | -                                                                                                                                                | Ấp: 2, 3                                                 | Ấp: 1, 4, 5, 6, 7                                                                  |         |
| Xã Vị Thủy        | Ấp 4                                                                                                                                             | Ấp: 2, 3, 5, 6, 7, 8                                     | -                                                                                  |         |
| Xã Vị Thanh       | Ấp: 7A2, 7B2 (giới hạn từ kênh Xà No đến kênh 3 Thước) và ấp 1, 3, 5, 7A1, 7B1                                                                   | Phần còn lại của ấp: 7A2, 7B2                            | -                                                                                  |         |
| Xã Vị Bình        | Ấp: 2, 4, 9A1, 9B                                                                                                                                | Ấp 9A2                                                   | -                                                                                  |         |
| Xã Vị Đông        | Ấp: 1 và 1A; 3 và 3A (giới hạn đường 932 - kênh Thống Nhất - kênh Thủy Lợi); ấp: 2, 5, 6, 7, 8 (giới hạn đê bao Xà No - kênh Thống Nhất -        | Phần còn lại của ấp: 1, 1A, 2, 3, 3A, 5, 6, 7, 8 và ấp 4 | -                                                                                  |         |

|             |                                                                              |                                       |   |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---|
| Xã Vị Trung | Ấp: 7, 8, 12 (giới hạn QL61 - kênh 2 Lai - kênh Ba Liên - ranh TX. Vị Thanh) | Phần còn lại của ấp: 8, 9, 10, 11, 13 | - |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---|

## 2. Đất ở tại xã

| Số TT | Tên đường                                    | Giới hạn                    |                                    |
|-------|----------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------|
|       |                                              | Từ                          | Đến                                |
| 1     | Quốc lộ 61                                   | Giáp ranh thị xã            | Cầu Thủy Lợi                       |
|       |                                              | Cầu Thủy Lợi                | Cổng Hai Lai                       |
|       |                                              | Ranh thị trấn Nàng Mau      | Ranh huyện Long Mỹ                 |
|       | Tuyến song song Muong Lộ QL 61               | Giáp ranh thị trấn Nàng Mau | Ranh huyện Long Mỹ                 |
| 2     | Đường tỉnh 932 (Lộ 931B)                     | Cầu Ba Liên                 | Cầu Hội Đồng                       |
|       |                                              | Cầu Hội Đồng                | Trường Tiểu học Vị Đông 1          |
|       |                                              | Trường Tiểu học Vị Đông 1   | Kênh 14.500                        |
|       |                                              | Kênh 14.500 (khu vực chợ)   | Trạm Y tế                          |
|       |                                              | Trạm Y tế                   | Kênh 14.000                        |
|       |                                              | Kênh 14.000                 | Kênh 8.000                         |
| 3     | Đường 13 Ngàn                                | Suốt đường                  |                                    |
| 4     | Ba Liên - Ông Tà                             | Suốt đường                  |                                    |
| 5     | Đường đi xã Vị Trung                         | Cầu Kênh Hậu                | Giáp ranh xã Vĩnh Trung            |
| 6     | Đường thị trấn Nàng Mau đi xã Vĩnh Tường     | Cầu Thu Bồn                 | Cầu Bà Mười                        |
|       |                                              | Cầu Bà Mười                 | UBND xã Vĩnh Trung                 |
|       |                                              | Cầu kênh Xóm Huế            | Hết lộ nhựa                        |
| 7     | Đường thị trấn Nàng Mau đi xã Vĩnh Thuận Tây | Ranh thị trấn Nàng Mau      | Cầu kênh trường học Vĩnh Thuận Tây |

|    |                               |                                    |                                      |
|----|-------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|
| 8  | Đê Bao Xà No                  | Cầu kênh trường học Vĩnh Thuận Tây | Kênh Nhà Thờ                         |
|    |                               | Kênh Nhà Thờ                       | Kênh Giải Phóng                      |
|    |                               | Ranh thị xã Vị Thanh               | Kênh Lò Rèn                          |
|    |                               | Kênh Lò Rèn                        | Kênh Bà Bảy                          |
|    |                               | Kênh Bà Bảy                        | Kênh 15.000                          |
| 9  | Chợ Vị Đông                   | Kênh 15.000                        | Kênh 14.000                          |
|    |                               | Kênh 14.000                        | Hết tuyến                            |
| 10 | Chợ xã Vị Thanh               | Khu vực trong chợ                  |                                      |
| 11 | Chợ Vĩnh Trung                | Dãy phố mặt tiền đường nhựa        |                                      |
| 12 | Chợ Vĩnh Tường                | Khu vực trong chợ                  |                                      |
|    |                               | Dãy phố mặt tiền đường nhựa        |                                      |
| 13 | Khu dân cư và TĐC xã Vị Trung | Cầu Trạm Y tế xã Vị Trung          | Giáp ranh đất ông Lê Văn Năm (5 Đồn) |
|    |                               | Phần còn lại                       |                                      |

### 3. Đất ở tại thị trấn

| Số TT | Tên đường                                  | Giới hạn                            |                        |
|-------|--------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------|
|       |                                            | Từ                                  | Đến                    |
| 1     | Quốc lộ 61                                 | Cầu Nàng Mau                        | Trạm Biển Điện         |
|       |                                            | Trạm Biển Điện                      | Cổng Hai Lai           |
|       |                                            | Cầu Nàng Mau                        | Ranh xã Vị Thắng       |
| 2     | Tuyến song song mường lộ Quốc lộ 61        | Trường Tiểu học thị trấn Nàng Mau 2 | Chùa Tịnh xá Ngọc Long |
|       |                                            | Chùa Tịnh xá Ngọc Long              | Nguyễn Chí Thanh       |
|       |                                            | Cầu Nàng Mau                        | Ranh xã Vị Thắng       |
| 3     | Dãy phố cặp nhà lồng chợ thị trấn Nàng Mau | Quốc lộ 61                          | Kênh Hậu               |
| 4     | Ngô Quốc Trị                               | Nguyễn Huệ                          | Nguyễn Chí Thanh       |

|    |                               |                                 |                        |
|----|-------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| 5  | Hùng Vương                    | Cầu 30 tháng 4                  | Nguyễn Văn Tiềm        |
| 6  | Lê Quý Đôn                    | Nguyễn Huệ                      | Nguyễn Trung Trực      |
| 7  | Nguyễn Văn Tiềm               | Nguyễn Huệ                      | Nguyễn Trung Trực      |
| 8  | Nguyễn Văn Tiềm nối dài       | Nguyễn Trung Trực               | Nguyễn Chí Thanh       |
| 9  | Lê Hồng Phong                 | Nguyễn Huệ                      | Nguyễn Trung Trực      |
| 10 | Nguyễn Huệ                    | Ngô Quốc Trị                    | Nguyễn Văn Tiềm        |
| 11 | Nguyễn Trung Trực             | Ngô Quốc Trị                    | Nguyễn Văn Tiềm        |
| 12 | Đường tránh thị trấn Nàng Mau | Ngã ba cống Hai Lai             | Kênh Nàng Mau          |
|    |                               | Kênh Nàng Mau                   | Ngã ba cây xăng Sơn Vi |
| 13 | Nội vi Khu tái định cư A - B  | Các đường nội bộ theo quy hoạch |                        |

| Số TT | Tên đường                                | Giới hạn                    |                                 |
|-------|------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------|
|       |                                          | Từ                          | Đến                             |
| 14    | Đường thị trấn Nàng Mau đi xã Vĩnh Tường | Cầu Nàng Mau                | Cầu Kênh Hậu                    |
|       |                                          | Cầu Kênh Hậu                | Hết ranh quy hoạch chợ Nàng Mau |
|       |                                          | Ranh quy hoạch chợ Nàng Mau | Hết ranh thị trấn Nàng Mau      |
| 15    | Đường về xã Vĩnh Thuận Tây               | Nguyễn Huệ                  | Ranh xã Vị Thủy                 |
| 16    | Đường về xã Vị Trung                     | Quốc lộ 61                  | Kênh Hậu                        |
| 17    | Đường ấp 5 - thị trấn Nàng Mau           | Cầu Nàng Mau                | Hết đường nhựa 3m               |
|       |                                          | Ranh đường nhựa 3m          | Giáp ranh xã Vị Thắng           |
| 18    | Đường bờ xáng Nàng Mau                   | Cầu Nàng Mau                | Kênh Ba Soi                     |
| 19    | Đường Nguyễn Thị Định                    | Quốc lộ 61                  | Kênh Phong Lưu                  |

### III. HUYỆN LONG MỸ

#### 1. Đất nông nghiệp

##### a. Đơn giá

| Giá đất | Đất trồng cây hàng năm và đất nuôi trồng thủy sản | Đất trồng cây lâu năm |
|---------|---------------------------------------------------|-----------------------|
|---------|---------------------------------------------------|-----------------------|

| Vị trí | Xã     | Thị trấn | Xã     |  |
|--------|--------|----------|--------|--|
| 1      | 30.000 | 35.000   | 40.000 |  |
| 2      | 25.000 | 30.000   | 35.000 |  |
| 3      | 20.000 | 25.000   | 30.000 |  |
| 4      | 15.000 | 20.000   | 25.000 |  |

### b. Xác định vị trí

| Tên đơn vị        | Vị trí |                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                        |              |
|-------------------|--------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
|                   | 1      | 2                                                                                                 | 3                                                                                                                                                                                                                                                      |              |
| Thị trấn Long Mỹ  | Ấp 2   | Ấp: 1, 5; ấp 4 (đường tỉnh 930 đến Kênh Hậu);<br>ấp 6 (đường lộ nhựa về xã Long Trị đến Kênh Hậu) | Ấp: 3, 4, 6 (phần còn lại)                                                                                                                                                                                                                             |              |
| Thị trấn Trà Lồng | -      | Ấp: Long An, Long An 1, Long Khánh;<br>ấp Khánh Hưng 1 (phần còn lại)                             | Ấp: Khánh Hưng 1 (đê 5m trở lên giáp ranh xã Tân Phú); ấp Khánh Hưng 2, Long Trị 2                                                                                                                                                                     |              |
| Xã Long Bình      | -      | Ấp: Bình Tân, Bình An, Bình Hiếu, Bình Hòa;<br>ấp Bình Thuận (còn lại)                            | Ấp: Bình Lợi, Bình Trung; ấp Bình Thạnh (còn lại); ấp Bình Thuận (kênh Tám Quang đến giáp ranh khu du lịch Vườn Tràm); ấp Bình Lợi (kênh 6 Ích đến ranh đất ông Cường); ấp Bình Thạnh (khu vực bờ tràm đến ranh đất 2 Bé; kênh Urê đến ranh đất 7 Hải) | Ấp: Tân Phú  |
| Xã Long Trị       | -      | Ấp: 3, 8                                                                                          | Ấp: 1, 2                                                                                                                                                                                                                                               |              |
| Xã Long Trị A     | -      | Ấp: 4, 5, 7                                                                                       | Ấp 6                                                                                                                                                                                                                                                   |              |
| Xã Long Phú       | -      | Ấp: Long Bình, Tân Bình 1 (đường tỉnh 931 đến Kênh Hậu)                                           | Ấp: Long Bình 1, Tân Bình (còn lại); ấp Long Bình 2, Tân Bình 2, Long Hòa 1 và 2, Long Thạnh 2                                                                                                                                                         | Ấp: Tân Bình |
| Xã Thuận Hưng     | -      | Phần còn lại                                                                                      | Từ kênh Vàm Chốc theo dọc kênh Lộ Hoang đến rạch Cái Nhàu ra sông Cái Lớn                                                                                                                                                                              |              |

|                    |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                        |
|--------------------|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| Xã Vĩnh Thuận Đông | - | <p>Ấp: 6, 7; ấp 1, 2, 4, 5, 8 (còn lại); ấp 3 (ranh ấp 4 đến kênh đê theo rạch Cái Nhum đến sông Cái Lớn về giáp ranh ấp 4)</p>                                                                                                                                                            | <p>Ấp 1 (kênh Trà Sắt đến ngã ba chùa, Trà Lồng, kênh bờ đê cũ); ấp 2 (ranh nhà 7 Lâm chạy theo rạch Cái Nhum đến ranh đất nhà 3 Thành, kênh Thủy Lợi, kênh 3 Phiên); ấp 4 (kênh đê giáp ấp 3 đến kênh Trường Học, kênh Bụi Dừa, ranh ấp 3 về kênh giữa; kênh đê Trạm Y tế đến ngã tư 3 Nhiên, rạch ấp 5); ấp 5 (kênh 2 Thế đến kênh Thủy Lợi, giáp ấp 4, nhà Út Tập, bờ đê vàm kênh 2 Thế); ấp 8 (kênh Xẻo Sốc đến kênh Bờ Tre, kênh 2 Liễu, giáp ranh xã Vị Thắng); ấp 3 (còn lại)</p> | Ấp th                  |
| Xã Tân Phú         | - | -                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <p>Ấp: Long Hưng 1, Tân Hưng 2 (ngã tư Giải phóng đến giáp ranh Tân Trị 1, kênh Thầy Ba, kênh Hậu Giang 3; kênh Xẻo Xu đến giáp ranh Long Hưng 2, TT. Trà Lồng và kênh Mới); ấp Tân Thạnh (từ kênh Hào Bửu đến ấp Tân Trị 2 hướng Nam Đê ngăn mặn, hướng Bắc ấp Tân Hòa); ấp Tân Trị 1, Long Trị 1, Tân Trị 2, Tân Hòa</p>                                                                                                                                                               | Ấp Tân Hu<br>ấp<br>lại |
| Xã Thuận Hòa       | - | <p>Ấp 1 (từ kênh Long Mỹ 2 dọc qua giáp ranh xã Xà Phiên qua kênh 5 Đức giáp kênh Ô Mối ấp 2 chạy về kênh Long Mỹ 2;<br/>Ấp 2 (từ kênh Long Mỹ 2 dọc qua kênh Ô Mối qua kênh 5 Đức chạy dọc theo Đê ngăn mặn ra sông Xáng Trà Ban xã Long Phú chạy về kênh Long Mỹ 2);<br/>Ấp: 3, 4, 5</p> | <p>Ấp 1 (từ kênh 5 Đức giáp ranh xã Xà Phiên chạy dọc theo sông Cái Trầu vòng về kênh Ô Mối chạy về kênh 5 Đức), (còn lại);<br/>Ấp 2 (từ Đê ngăn mặn chạy ra sông Cái Trầu vòng qua Cảng Trà Ban giáp ranh xã Long Phú Chạy về Đê ngăn mặn)</p>                                                                                                                                                                                                                                          |                        |

|                   |   |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                             |
|-------------------|---|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| Xã Xà Phiên       | - | - | Ấp: 4, 5; ấp 1, 6, 7, 8 (còn lại);<br>ấp 2 (kênh Xã Hội đến giáp ranh<br>ấp 5); ấp 3 (ranh xã Thuận Hưng<br>đến kênh 2 Lý)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Ấp<br>(k<br>kê<br>7,<br>đế                  |
| Xã Lương Tâm      | - | - | Phần còn lại ngoài khu vực 1 và<br>2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | KL<br>mã<br>Ph<br>M<br>KL<br>mã<br>Ph<br>xã |
| Xã Vĩnh Viễn      | - | - | Ấp 1 (kênh Mười Thước đến<br>kênh Trâm Bầu, kênh 13); ấp 2<br>(kênh đê đến kênh 13 ra sông<br>Nước Đục về Cảng Ba Can); ấp<br>3 (kênh Mười Thước đến kênh<br>13, kênh chống Mỹ về kênh Cả<br>Dứa); ấp 5 (kênh Cả Dứa đến<br>kênh Trục Thăng, kênh Mười<br>Thước);<br>ấp 8 (kênh Vàm Rừa đến kênh<br>Mười Thước); ấp 9 (kênh Mười<br>Thước đến kênh Thủy Lợi,<br>Thanh Thủy); ấp 10 (kênh Thanh<br>Thủy đến kênh Thần Hồ, kênh<br>Mười Thước về kênh Năm);<br>ấp 11 (kênh Cù Tre đến kênh<br>Mười Thước, kênh đê, kênh 13) | Ấp<br>Ấp<br>(c                              |
| Xã Vĩnh Viễn<br>A | - | - | Ấp 8 (kênh Vàm Rừa đến kênh<br>Mười Thước); ấp 9 (kênh Mười<br>Thước đến kênh Thủy Lợi); ấp<br>10 (kênh Thanh Thủy đến kênh<br>Thần Hồ, kênh Mười Thước về<br>kênh Năm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Ấp<br>lại                                   |

|                |   |   |                                   |                                                                                       |
|----------------|---|---|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| Xã Lương Nghĩa | - | - | Phần còn lại ngoài khu vực 1 và 2 | KL<br>gi<br>Tâ<br>(k<br>th<br>kê<br>đề<br>rạ<br>và<br>KL<br>m<br>Ph<br>xã<br>sô<br>Ng |
|----------------|---|---|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|

## 2. Đất ở tại xã

| Số TT | Tên đường                      | Giới hạn                        |                         |
|-------|--------------------------------|---------------------------------|-------------------------|
|       |                                | Từ                              | Đến                     |
| 1     | Quốc lộ 61                     | Ngã ba Vĩnh Tường               | Ranh huyện Vị Thủy      |
|       |                                | Ngã ba Vĩnh Tường               | Kênh Sáu Diển           |
|       |                                | Kênh Sáu Diển                   | Cầu Xẻo Trâm            |
| 2     | Đường tỉnh 931                 | Ngã ba Vĩnh Tường               | Cầu Giồng Sao           |
|       |                                | Cầu Giồng Sao                   | Cầu Lộ Ba Xi            |
|       |                                | Cầu Lộ Ba Xi                    | Cầu Long Bình           |
|       |                                | Cầu Long Bình                   | Cổng Năm Tinh           |
|       |                                | Kênh Hậu Giang 3                | Cảng Trà Ban            |
| 3     | Đường tỉnh 930                 | Cầu Trắng                       | UBND xã Thuận Hưng      |
|       |                                | UBND xã Thuận Hưng              | Ranh xã Vĩnh Viễn       |
|       |                                | Ranh xã Thuận Hưng              | Cầu Cả Nhào             |
|       |                                | Cầu Cả Nhào                     | Cây xăng Trung Tuyển    |
|       |                                | Cây xăng Trung Tuyển            | Cây xăng Hoàng Ân       |
|       |                                | Cây xăng Hoàng Ân               | Kênh Củ Tre             |
| 4     | Tỉnh lộ 930B                   | Cầu Miếu, ấp 7, xã Thuận Hưng   | Ranh chợ xã Xà Phiên    |
| 5     | Đường đi về xã Vĩnh Thuận Đông | Cầu Nước Đục                    | UBND xã Vĩnh Thuận Đông |
|       |                                | Hết ranh chợ xã Vĩnh Thuận Đông | Vịnh Chèo               |
| 6     | Đường đi về xã Long Trị        | Kênh Ba Nghiệp                  | Kênh Tám Bá             |
|       |                                | Kênh Tám Bá                     | Cầu Cái Nai             |
| 7     | Đường đi về thị trấn Trà Lồng  | Đường tỉnh 931                  | Cầu Ba Muôn             |
|       |                                | Cầu Ba Muôn                     | Ranh thị trấn Trà Lồng  |
|       |                                | Ranh thị trấn Trà Lồng          | Cầu kênh Đê             |

|    |                                                        |                                |                                                       |
|----|--------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------|
|    |                                                        | Cầu kênh Đê                    | Cầu Ván                                               |
| 8  | Đường ấp Khánh Hưng 1                                  | Ngã tư Bến Xe (đường tỉnh 931) | Cầu Tám Tài (ranh xã Phương Phú)                      |
| 9  | Tỉnh Lộ 930B đường đi về xã Lương Tâm - xã Lương Nghĩa | Ranh chợ xã Xà Phiên           | Kênh Ngan Mồ                                          |
|    |                                                        | Cầu Xã Mão                     | Bến phà Ngan Dừa                                      |
|    |                                                        | Cầu Chùa, ấp 7                 | Ranh chợ xã Lương Nghĩa                               |
|    |                                                        | Kênh Ngan Mồ                   | Ranh xã Vĩnh Tuy                                      |
| 10 | Tuyến giáp trung tâm thị trấn Trà Lồng                 | Kênh Nhà Thờ (Buru Điện)       | Kênh Tư Kiến (cập kênh Quản lộ Phụng Hiệp)            |
|    |                                                        | Kênh Tư Kiến                   | Giáp ranh xã Phương Phú (cập kênh Quản lộ Phụng Hiệp) |
|    |                                                        | Kênh Tư Tiên                   | Giáp ranh xã Long Tân (cập kênh Quản lộ Phụng Hiệp)   |
| 11 | Tuyến giáp trung tâm xã Long Trị                       | Giáp ranh chợ Cái Nai          | Cầu Lộ Tổng                                           |
| 12 | Tuyến giáp trung tâm xã Xà Phiên                       | Ranh chợ Xà Phiên              | Trường Tiểu học Xà Phiên 1                            |
| 13 | Tuyến giáp trung tâm xã Vĩnh Viễn                      | Ranh chợ Kênh 13               | Ngã ba Bảy Kỳ                                         |
|    |                                                        | Ranh chợ Kênh 13               | Kênh Trạm Bơm                                         |
|    |                                                        | Ranh ấp 8 và 9                 | Ngã tư Thanh Thủy                                     |
|    |                                                        | Kênh Sáu Thơm                  | Kênh Năm Bi                                           |

| Số TT | Tên đường              | Giới hạn                                                |     |
|-------|------------------------|---------------------------------------------------------|-----|
|       |                        | Từ                                                      | Đến |
| 14    | Chợ Long Bình          | Chợ Bình Tân theo quy hoạch 1/500                       |     |
|       |                        | Chợ Bình Hiếu theo quy hoạch 1/500                      |     |
| 15    | Chợ thị trấn Trà Lồng  | Chợ Trà Lồng theo quy hoạch 1/500                       |     |
| 16    | Chợ xã Long Phú        | Chợ Long Bình 1 theo quy hoạch 1/500                    |     |
|       |                        | Chợ Long Hòa 1 theo quy hoạch 1/500                     |     |
| 17    | Chợ Vĩnh Viễn          | Chợ kênh 13 theo quy hoạch 1/500                        |     |
|       | Chợ Vĩnh Viễn A        | Chợ Trục Thẳng theo quy hoạch 1/500                     |     |
|       |                        | Chợ Thanh Thủy theo quy hoạch 1/500 (chưa có quy hoạch) |     |
| 18    | Chợ xã Long Trị        | Chợ Cái Nai theo quy hoạch 1/500                        |     |
| 19    | Chợ xã Xà Phiên        | Chợ Xà Phiên theo quy hoạch 1/500                       |     |
| 20    | Chợ xã Lương Nghĩa     | Chợ Lương Nghĩa theo quy hoạch 1/500                    |     |
| 21    | Chợ xã Vĩnh Thuận Đông | Chợ Vĩnh Thuận Đông theo quy hoạch 1/500                |     |

### 3. Đất ở tại thị trấn

| Số TT        | Tên đường         | Giới hạn          |                                |
|--------------|-------------------|-------------------|--------------------------------|
|              |                   | Từ                | Đến                            |
| Đường loại I |                   |                   |                                |
| 1            | Nguyễn Việt Hồng  | Nguyễn Trung Trực | Đường 30 tháng 4               |
| 2            | Nguyễn Trung Trực | Chiêm Thành Tấn   | Giáp Đường tỉnh 930            |
| 3            | Hai Bà Trưng      | Nguyễn Trung Trực | Đường 30 tháng 4               |
|              |                   | Đường 30 tháng 4  | Cách Mạng Tháng Tám            |
| 4            | Đường 30 tháng 4  | Nguyễn Huệ        | Đường tỉnh 930                 |
|              |                   | Nguyễn Huệ        | Vòng xuyên Cách Mạng Tháng Tám |
| 5            | Chiêm Thành Tấn   | Nguyễn Trung Trực | Đường 30 tháng 4               |
|              |                   | Đường 30 tháng 4  | Đường Cách Mạng Tháng Tám      |

| Số TT                | Tên đường                              | Giới hạn                       |                             |
|----------------------|----------------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|
|                      |                                        | Từ                             | Đến                         |
| 6                    | Nguyễn Văn Trỗi                        | Nguyễn Trung Trực              | Đường 30 tháng 4            |
| 7                    | Võ Thị Sáu                             | Nguyễn Trung Trực              | Đường 30 tháng 4            |
| 8                    | Cách Mạng Tháng Tám                    | Đường 3 tháng 2                | Trần Phú                    |
| 9                    | Nguyễn Thị Minh Khai                   | Nguyễn Văn Trỗi                | Chiêm Thành Tấn             |
| 10                   | Trần Phú                               | Đường 3 tháng 2                | Đường 30 tháng 4            |
|                      |                                        | Đường 30 tháng 4               | Cách Mạng Tháng Tám         |
| 11                   | Đường 3 tháng 2                        | Công ty Thương Nghiệp          | Cách Mạng Tháng Tám         |
|                      |                                        | Cách Mạng Tháng Tám            | Cầu Long Mỹ                 |
| 12                   | Nguyễn Huệ                             | Cách Mạng Tháng Tám            | Cầu Phú Xuyên               |
|                      |                                        | Cầu Phú Xuyên                  | Phạm Văn Nhờ                |
| 13                   | Ấp 6 (Đường tỉnh 931)                  | Vòng xuyên Cách Mạng Tháng Tám | Cầu Long Mỹ                 |
| <b>Đường loại II</b> |                                        |                                |                             |
| 14                   | Ấp 2 (Cách Mạng Tháng Tám dự mở)       | Chiêm Thành Tấn                | Hai Bà Trưng                |
|                      |                                        | Hai Bà Trưng                   | Tỉnh lộ 930, ấp 5, thị trấn |
| 15                   | Ấp 1 thị trấn Long Mỹ (Đường tỉnh 931) | Cổng Năm Tỉnh                  | Vòng xuyên                  |
|                      |                                        | Vòng xuyên                     | Cầu Long Mỹ                 |
|                      |                                        | Cầu Ba Ly                      | Đập Bờ Dừa                  |
|                      |                                        | Đập Bờ Dừa                     | Cầu Nước Đục                |
|                      |                                        | Nhà Năm Thế                    | Cầu Long Mỹ                 |

|    |                                           |                      |                          |
|----|-------------------------------------------|----------------------|--------------------------|
|    |                                           | Cầu Long Mỹ          | Cầu Vĩnh Rầy             |
| 16 | Trần Hưng Đạo                             | Vòng xuyên           | Cầu Ba Ly                |
| 17 | Áp 4 thị trấn Long Mỹ<br>(Đường tỉnh 931) | Cách Mạng Tháng Tám  | Hết ranh Trường Bán Công |
|    |                                           | Ranh Trường Bán Công | Cổng Năm Khai            |
|    |                                           | Cổng Năm Khai        | Kênh Hậu Giang 3         |

| Số TT | Tên đường                                 | Giới hạn                  |                           |
|-------|-------------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
|       |                                           | Từ                        | Đến                       |
| 18    | Áp 5 thị trấn Long Mỹ<br>(Đường tỉnh 930) | Nguyễn Văn Trỗi           | Nguyễn Việt Hồng          |
|       |                                           | Nguyễn Trung Trực         | Đường 30 tháng 4          |
|       |                                           | Đường 30 tháng 4          | Cách Mạng Tháng Tám dự mở |
|       |                                           | Cách Mạng Tháng Tám dự mở | Cầu Trạm Bơm              |
|       |                                           | Cầu Trạm Bơm              | Cầu Trắng                 |

#### Đường loại III

|    |                       |                     |                          |
|----|-----------------------|---------------------|--------------------------|
| 19 | Phạm Văn Nhờ A-B      | Trần Hưng Đạo       | Cầu Ba Ly                |
| 20 | Nguyễn Văn Trỗi       | Đường 30 tháng 4    | Cách Mạng Tháng Tám      |
| 21 | Võ Thị Sáu            | Đường 30 tháng 4    | Cách Mạng Tháng Tám      |
| 22 | Nguyễn Việt Hồng      | Đường 30 tháng 4    | Cách Mạng Tháng Tám      |
| 23 | Nguyễn Trung Trực     | Đường tỉnh 930      | Nhà Thờ Thánh Tâm        |
|    |                       | Nhà Thờ Thánh Tâm   | Cổng Hai Thiên           |
| 24 | Áp 1 thị trấn Long Mỹ | Cầu Nước Đục        | Áp Bình An, xã Long Bình |
| 25 | Áp 3 thị trấn Long Mỹ | Cách Mạng Tháng Tám | Chùa Ba Cô               |
|    |                       | Chùa Ba Cô          | Am Cô Năm                |
|    |                       | Am Cô Năm           | Giáp Thuận Hòa           |
| 26 | Áp 5 thị trấn Long Mỹ | Cổng Hai Thiên      | Kênh Chính Mốc           |
|    |                       | Kênh Chính Mốc      | Trạm Bơm áp 5            |
|    |                       | Trạm Bơm áp 5       | Cầu Trắng                |
| 27 | Áp 6 thị trấn Long Mỹ | Cầu Long Mỹ         | Kênh Ba Nghiệp           |

## IV. THỊ XÃ NGÃ BẢY

### 1. Đất nông nghiệp

#### a. Đơn giá

| Vị trí | Giá đất | Đất trồng cây hàng năm và đất nuôi trồng thủy sản |        | Đất trồng cây |  |
|--------|---------|---------------------------------------------------|--------|---------------|--|
|        |         | Xã                                                | Phường | Xã            |  |
| 1      |         | 40.000                                            | 45.000 | 50.000        |  |

|   |        |        |        |
|---|--------|--------|--------|
| 2 | 35.000 | 40.000 | 45.000 |
| 3 | 30.000 | 35.000 | 40.000 |

**b. Xác định vị trí**

| Tên đơn vị        | Vị trí                                                           |                                                                               |                          |
|-------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
|                   | 1                                                                | 2                                                                             |                          |
| Phường Ngã Bảy    | Khu vực: 1, 2, 3, 5, 6, 7                                        | -                                                                             |                          |
| Phường Lái Hiếu   | Khu vực: 1, 2, 3, 4, 5, 6                                        | -                                                                             |                          |
| Phường Hiệp Thành | Khu vực: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8                                  | -                                                                             |                          |
| Xã Đại Thành      | Ấp: Sơn Phú, Mái Dầm, Đông An, Đông An A, Mang Cá, Cái Côn       | -                                                                             | Ấp: Ba Ngàn, B<br>1      |
| Xã Hiệp Lợi       | Ấp: Xẻo Vông, Xẻo Vông A, Xẻo Vông B, Xẻo Vông C (cấp Quốc lộ 1) | Ấp: Xẻo Vông, Xẻo Vông A, Xẻo Vông B, Xẻo Vông C (phía<br>mường lộ Quốc lộ 1) | Ấp: Láng Sen, L          |
| Xã Tân Thành      | Ấp: Sơn Phú 2A, Đông An 2A, Đông An 2                            | -                                                                             | Ấp: Sơn Phú 2, B<br>Bình |

**2. Đất ở tại xã**

| Số TT | Tên đường                    | Giới hạn                       |                                           |
|-------|------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------|
|       |                              | Từ                             | Đến                                       |
| 1     | Quốc lộ 1                    | Quản lộ Phụng Hiệp             | Nhà Thờ Kim Phụng                         |
|       |                              | Nhà Thờ Kim Phụng              | Kênh Tư Khâm                              |
|       |                              | Kênh Tư Khâm                   | Cổng Hai Đào                              |
| 2     | Tuyến Quản lộ Phụng Hiệp     | Đường Hùng Vương (xã Hiệp Lợi) | Kênh Mang Cá                              |
| 3     | Song song Quốc lộ 1          | Kênh Tám Nhái                  | Kênh Chín Thới                            |
|       |                              | Kênh Chín Thới                 | Kênh Bảy Trề                              |
|       |                              | Kênh Bảy Trề                   | Vàm Láng Sen                              |
|       |                              | Vàm Láng Sen                   | Giáp ranh xã Tân Long (huyện Phụng Hiệp)  |
| 4     | Tuyến Láng Sen (xã Hiệp Lợi) | Vàm Láng Sen                   | Giáp ranh phường Lái Hiếu (kênh Tám Nhái) |
|       |                              | Vàm Láng Sen                   | Giáp ranh xã Phụng Hiệp, huyện Phụng Hiệp |

|   |                                     |                                           |                                     |
|---|-------------------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------|
|   |                                     |                                           | Hiệp (kênh Mười Ninh)               |
| 5 | Tuyến Kênh Tư Khâm<br>(xã Hiệp Lợi) | Quốc lộ 1 (không tính khu tái<br>định cư) | Kênh Đào                            |
| 6 | Tuyến Kênh Đào<br>(xã Hiệp Lợi)     | Ranh phường Ngã Bảy                       | Giáp ranh xã Tân Long, huyện Phụng  |
| 7 | Xã Tân Thành                        | Ranh xã Đại Thành                         | Đập Ba Đô                           |
|   |                                     | Đập Ba Đô                                 | Đập Ba Đặng                         |
|   |                                     | Đập Ba Đặng                               | Ranh xã Phú Hữu                     |
|   |                                     | Ngã tư Sơn Phú 2A                         | Chùa Cao Đài                        |
|   |                                     | Chùa Cao Đài                              | Bưng Cây Sắn                        |
|   |                                     | Bưng Thầy Tằng                            | Ranh xã Phú Hữu (huyện Châu Thành   |
|   |                                     | Ngã tư Sơn Phú 2A                         | Giáp ranh xã Đông Phước (huyện Châu |
|   |                                     | Trường Trung học cơ sở Tân<br>Thành       | Giáp ranh xã Đông Phước (huyện Châu |
|   |                                     | Giáp ranh xã Đại Thành                    | Đập Năm Thường                      |
|   |                                     | Đập Năm Thường                            | Giáp ranh xã Phú Hữu (huyện Châu    |
| 8 | Xã Đại Thành                        | Ranh phường Ngã Bảy                       | Trụ Sở UBND xã                      |
|   |                                     | Trụ Sở UBND xã                            | Ranh xã Tân Thành                   |
|   |                                     | Cầu xã Đại Thành (bờ trái)                | Hết ranh ấp Mái Dầm                 |
|   |                                     | Hết ranh ấp Mái Dầm                       | Ngã tư Cả Mới (giáp huyện Châu Thà  |
|   |                                     | Trụ sở UBND xã                            | Kênh Bà Chồn                        |
|   |                                     | Kênh Bà Chồn<br>(tuyến kênh Ba Ngàn)      | Ngã tư Cả Mới                       |
|   |                                     | Kênh Bà Chồn (tuyến trái)                 | Cầu Thanh Niên                      |
|   |                                     | Kênh Bà Chồn (tuyến phải)                 | Kênh Út Quế                         |
|   |                                     | Trạm Y tế xã                              | Ranh xã Tân Thành                   |
|   |                                     | Vàm Kênh Ba Ngàn                          | Cầu Rạch Côn                        |
|   |                                     | Cầu Rạch Côn                              | Kênh Mười Lành                      |
|   |                                     | Vàm Kênh Ba Ngàn                          | Cầu Ba Phần (cấp sông)              |
|   |                                     | Cầu Ba Phần                               | Ranh xã Tân Thành                   |
|   |                                     | Trạm Y tế xã                              | Vàm Kênh Ba Ngàn                    |
|   |                                     | Vàm Kênh Ba Ngàn                          | Kênh Ba Phần (lộ hậu Đông An)       |
|   |                                     | Ranh phường Ngã Bảy                       | Ngã tư UBND xã (bờ phải)            |
|   |                                     | Ngã tư UBND xã (bờ phải)                  | Vàm Kênh Ba Ngàn                    |

|  |  |                          |                          |
|--|--|--------------------------|--------------------------|
|  |  | Ranh phường Ngã Bảy      | Ngã ba Cả Mới (Kênh Đào) |
|  |  | Ngã ba Cả Mới (Kênh Đào) | Ngã tư Cả Mới            |

### 3. Đất ở tại phường

| Số TT        | Tên đường                | Giới hạn                                 |                                             |
|--------------|--------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------|
|              |                          | Từ                                       | Đến                                         |
| Đường loại I |                          |                                          |                                             |
| 1            | Trần Hưng Đạo            | Hùng Vương                               | Lê Lợi                                      |
| 2            | Lê Lợi                   | Trần Hưng Đạo                            | Triệu Ấu (hết nhà lồng chợ)                 |
|              |                          | Triệu Ấu                                 | Cầu Xẻo Vông                                |
| 3            | Lý Thường Kiệt           | Hùng Vương                               | Lê Lợi                                      |
| 4            | Triệu Ấu                 | Hùng Vương                               | Lê Lợi                                      |
| 5            | Mạc Đinh Chi             | Trần Hưng Đạo                            | Lý Thường Kiệt                              |
|              |                          | Lê Lợi                                   | Hùng Vương                                  |
| 6            | Hùng Vương               | Cầu Phụng Hiệp                           | Cổng UBND thị xã (đối diện Chi C thuế)      |
|              |                          | Cổng UBND thị xã (đối diện Chi Cục thuế) | Phạm Hùng (đối diện cầu Xẻo Vông)           |
|              |                          | Phạm Hùng (đối diện cầu Xẻo Vông)        | Nguyễn Huệ                                  |
|              |                          | Nguyễn Huệ                               | Cầu Trắng Nhỏ                               |
|              |                          | Cầu Trắng Nhỏ                            | Cổng Hai Nâu                                |
|              |                          | Cổng Hai Nâu                             | Quản lộ Phụng Hiệp                          |
|              |                          | Cầu Phụng Hiệp                           | Ban Chỉ huy Quân sự thị xã                  |
|              |                          | Ban Chỉ huy Quân sự thị xã               | Chùa Giác Long                              |
|              |                          | Chùa Giác Long                           | Quản lộ Phụng Hiệp                          |
|              |                          | Quản lộ Phụng Hiệp                       | Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị               |
|              |                          | Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị            | Cổng Gió                                    |
|              |                          | Cổng Gió                                 | Cầu Chữ Y                                   |
|              |                          | Cầu Chữ Y                                | Ranh tỉnh Sóc Trăng                         |
| 7            | Tuyến Quản lộ Phụng Hiệp | Đường Hùng Vương (phường Ngã Bảy)        | Kênh Hai Dường (giáp ranh huyện Phụng Hiệp) |

| Số TT | Tên đường | Giới hạn |     |
|-------|-----------|----------|-----|
|       |           | Từ       | Đến |

| Đường loại II |                   |                               |                               |
|---------------|-------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| 8             | Nguyễn Minh Quang | Hùng Vương                    | Cầu Chùa                      |
|               |                   | Cầu Chùa                      | Cầu xuống bến tàu             |
|               |                   | Cầu xuống bến tàu             | Cầu Kênh Đào                  |
|               |                   | Cầu Kênh Đào                  | Ranh xã Đại Thành             |
| 9             | Đường 30 tháng 4  | Cầu Đen                       | Nguyễn Trãi                   |
|               |                   | Nguyễn Trãi                   | Kênh Tư Khiêm                 |
|               |                   | Kênh Tư Khiêm                 | Kênh Ba Thợ                   |
|               |                   | Kênh Ba Thợ                   | Kênh cặp cây xăng Nguyễn Phát |
|               |                   | Kênh cặp cây xăng Nguyễn Phát | Kênh Tư Đèo                   |
|               |                   | Kênh Tư Đèo                   | Cầu Sậy Niều                  |
| 10            | Nguyễn Trãi       | Cầu Xẻo Vòng                  | Đường 30 tháng 4              |

| Đường Loại III |                      |                      |                      |
|----------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| 11             | Phạm Hùng            | Hùng Vương           | Lê Hồng Phong        |
| 12             | Lê Hồng Phong        | Nguyễn Huệ           | Nguyễn Minh Quang    |
| 13             | Nguyễn Huệ           | Nguyễn Thị Minh Khai | Lê Hồng Phong        |
|                |                      | Nguyễn Thị Minh Khai | Hùng Vương           |
| 14             | Châu Văn Liêm        | Phạm Hùng            | Đoàn Văn Chia        |
| 15             | Đoàn Văn Chia        | Lê Hồng Phong        | Hùng Vương           |
| 16             | Phan Đình Phùng      | Lê Hồng Phong        | Nguyễn Thị Minh Khai |
|                |                      | Nguyễn Thị Minh Khai | Hùng Vương           |
| 17             | Nguyễn Thị Xem       | Phan Đình Phùng      | Nguyễn Huệ           |
| 18             | Nguyễn Thị Minh Khai | Phạm Hùng            | Nguyễn Huệ           |

| Số TT         | Tên đường          | Giới hạn                            |                                     |
|---------------|--------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
|               |                    | Từ                                  | Đến                                 |
| Đường Loại IV |                    |                                     |                                     |
| 19            | Trần Nam Phú       | Hùng Vương                          | Trụ sở Khu vực 2, phường Hiệp Thành |
|               |                    | Trụ sở Khu vực 2, phường Hiệp Thành | Trường Tiểu học Hiệp Thành 2        |
|               |                    | Trường Tiểu học Hiệp Thành 2        | Ranh xã Đại Hải                     |
| 20            | Khu dân cư Cái Côn | Cầu xuống bến tàu                   | Bến đò Cái Côn                      |
| 21            | Lộ hậu Xẻo Môn     | Nguyễn Trãi                         | Lộ Xẻo Môn                          |

|    |                                      |                                           |                          |
|----|--------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------|
| 22 | Tuyến Cầu Đình - Giáp xã Hiệp Lợi    | Cầu Đình                                  | Kênh Ba Sài              |
|    |                                      | Kênh Ba Sài                               | Kênh Hai Vàng            |
|    |                                      | Kênh Hai Vàng                             | Kênh Tám Nhái            |
| 23 | Cao Thắng                            | Cầu Nhà máy đường                         | Cầu số 2                 |
|    |                                      | Cầu số 2                                  | Ranh tỉnh Sóc Trăng      |
| 24 | Đường 1 tháng 5                      | Cầu Nhà máy đường                         | Cổng Nhà máy đường       |
| 25 | Hoàng Hoa Thám                       | Cầu Chữ Y                                 | Ranh huyện Phụng Hiệp    |
| 26 | Khu Vực Dơi Chanh                    | Cầu Nhà máy đường                         | Nhà máy đường (cấp sông) |
| 27 | Triệu Vĩnh Tường                     | Cầu Sậy Niều                              | Kênh Năm Điền            |
|    |                                      | Kênh Năm Điền                             | UBND phường Lái Hiếu     |
| 28 | Dơi Tân Thới Hòa - xã Hiệp Hưng      | Đầu Dơi                                   | Kênh Mười Tấn            |
|    |                                      | Kênh Mười Tấn                             | Kênh Hậu Giang 3         |
| 29 | Dơi Tân Thới Hòa - xã Tân Phước Hưng | Đầu Dơi                                   | Kênh Hai Chắc            |
|    |                                      | Kênh Hai Chắc                             | Kênh Mười Lê             |
| 30 | Nhà máy đường - xã Tân Phước Hưng    | Cổng Nhà máy đường                        | Kênh Hai Dưỡng           |
| 31 | Kênh Cầu Trắng Nhỏ                   | Cầu Trắng Nhỏ (tuyến trái - khu vực 5)    | Cầu Cái Đồi Trong        |
|    |                                      | Cầu Cái Đồi Trong                         | Quản lộ Phụng Hiệp       |
|    |                                      | Cầu Trắng Nhỏ (tuyến phải - khu vực 3, 6) | Cầu Cái Đồi Trong        |
|    |                                      | Cầu Cái Đồi Trong                         | Cầu Kênh Đào             |
|    |                                      | Cầu Kênh Đào                              | Quản lộ Phụng Hiệp       |
| 32 | Lộ hậu Lái Hiếu - xã Tân Phước Hưng  | Kênh Lái Hiếu                             | Ranh huyện Phụng Hiệp    |
| 33 | Khu tái định cư                      | Nội vi khu TĐC phường Hiệp Thành          |                          |
|    |                                      | Nội vi khu TĐC xã Hiệp Lợi                |                          |

## V. HUYỆN PHỤNG HIỆP

### 1. Đất nông nghiệp

#### a. Đơn giá

| Vị trí | Giá đất | Đất trồng cây hàng năm và đất nuôi trồng thủy sản |          | Đất trồng cây lâu năm |          |
|--------|---------|---------------------------------------------------|----------|-----------------------|----------|
|        |         | Xã                                                | Thị trấn | Xã                    | Thị trấn |
| 1      |         | 30.000                                            | 35.000   | 35.000                | 40.000   |
| 2      |         | 25.000                                            | 30.000   | 30.000                | 35.000   |

|   |        |        |        |        |  |
|---|--------|--------|--------|--------|--|
| 3 | 20.000 | 25.000 | 25.000 | 30.000 |  |
| 4 | 15.000 | 20.000 | 20.000 | 25.000 |  |

**b. Xác định vị trí**

| Tên đơn vị         | Vị trí                                          |                                                                     |                                                                            |                  |
|--------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------|
|                    | 1                                               | 2                                                                   | 3                                                                          |                  |
| Thị trấn Cây Dương | Ấp: Mỹ Lợi, Mỹ Quới                             | Ấp: Hưng Phú, Mỹ Hòa, Mỹ Quới B, Thống Nhất                         | -                                                                          |                  |
| Thị trấn Kinh Cù   | Ấp: Hòa Phụng A, Hòa Phụng B                    | -                                                                   | Ấp: Hòa Bình, Hòa Long B                                                   | Ấp:              |
| Xã Thạnh Hòa       | Ấp: Nhất, Phú Khởi, Tâm Vu 1                    | Ấp: 2, 3, Tâm Vu 2                                                  | Ấp: 4, Phú Xuân                                                            |                  |
| Xã Tân Bình        | -                                               | Ấp: Cầu Xáng, Tân Hiệp, Tân Phú, Tân Long, Tân Long A               | Ấp: Tám Ngàn, Tân Phú A, Tân Quới, Tân Quới Kinh, Tân Quới Rạch, Tân Thành |                  |
| Xã Long Thạnh      | Ấp: Long Hòa A1, Trường Khánh 1, Trường Khánh 2 | Ấp: Long Hòa A2, Long Hòa B                                         | Ấp: Long Sơn 1, 2 và Long Trường 1, 2, 3                                   |                  |
| Xã Phụng Hiệp      | -                                               | -                                                                   | Ấp: Mỹ Thuận 1, Sậy Niều A và B, Xẻo Môn                                   | Ấp: Mỹ           |
| Xã Phương Bình     | -                                               | Ấp: Phương An, Phương Lạc, Phương Quới, Phương Quới A, Phương Thạnh | Ấp: Phương Hòa, Phương Quới B và C, Lâm Trường Phương Ninh                 |                  |
| Xã Hòa Mỹ          | -                                               | Ấp: Mỹ Phú, Mỹ Thành A                                              | Ấp: Mỹ Phú A, Mỹ Thành, Thạnh Mỹ C                                         | Ấp: Trườ<br>Long |
| Xã Hòa An          | -                                               | -                                                                   | Ấp: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, Hòa Đức, Hòa Phụng C, Hòa Quới A và B, Bàu Môn | Ấp X             |
| Xã Tân Long        | Ấp: Thạnh Lợi A1, Thạnh Lợi A2                  | Ấp: Long Phụng, Phụng Sơn, Phụng Sơn A, Thạnh Lợi B                 | Ấp: Phụng Sơn B, Thạnh Lợi C                                               |                  |

|                   |   |                                                                      |                                                                                              |      |
|-------------------|---|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| Xã Hiệp Hưng      | - | Ấp: Hiệp Hòa, Hưng Thạnh, Lái Hiếu, Mỹ Hưng, Mỹ Lợi A và B, Mỹ Chánh | Ấp: Long Phụng, Long Phụng A, Mỹ Chánh A, Quyết Thắng, Quyết Thắng A và B                    |      |
| Xã Tân Phước Hưng | - | Ấp: Tân Phú A1 và A2                                                 | Ấp: Mỹ Phú, Mỹ Thạnh, Phó Đường, Tân Phú B1 và B2, Tân Thành, Thành Viên, Hòa Hưng, Tân Hưng |      |
| Xã Phương Phú     | - | Ấp: Phương An A và B                                                 | Ấp: Bình Hòa, Phương Bình, Phương Hòa                                                        | Ấp P |
| Xã Bình Thành     | - | -                                                                    | Ấp: Tân Long B; Tân Quới Lộ; Thạnh Mỹ A, B, C                                                |      |

## 2. Đất ở tại xã

| Số TT | Tên đường                    | Giới hạn                     |                                    |
|-------|------------------------------|------------------------------|------------------------------------|
|       |                              | Từ                           | Đến                                |
| 1     | Quốc lộ 1                    | Ranh xã Tân Phú Thạnh        | Cây xăng Hai Bộ                    |
|       |                              | Cây xăng Hai Bộ              | Cầu Long Thạnh                     |
|       |                              | Cầu Long Thạnh               | Đầu lộ Thầy Cai                    |
|       |                              | Đầu lộ Thầy Cai              | Lộ vào khu TĐC xã Long Thạnh       |
|       |                              | Lộ vào khu TĐC xã Long Thạnh | Cầu Đò                             |
|       |                              | Cầu Đò                       | Đến giáp ranh UBND xã Tân Long     |
|       |                              | UBND xã Tân Long             | Cầu Nàng Mau (cầu Trắng Lớn)       |
|       |                              | Cầu Nàng Mau (cầu Trắng Lớn) | Cổng Mười Mưm                      |
|       |                              | Cổng Mười Mưm                | Cổng Hai Đào                       |
|       | Đường vào khu TĐC Long Thạnh | Quốc lộ 1                    | Các đường nội ô khu TĐC Long Thạnh |
| 2     | Song song Quốc lộ 1          | Cầu Cả Đình                  | Ranh xã Tân Phú Thạnh              |
|       |                              | Cầu Cái Tắc                  | Cổng Mâm Thao                      |
|       |                              | Cổng Mâm Thao                | Ranh Trường Tầm Vu 1               |
|       |                              | Ranh Trường Tầm Vu 1         | Cầu Ba Láng                        |
|       |                              | Cầu Ba Láng                  | Hết ranh Xí nghiệp nước đá         |
|       | Quốc lộ 61                   | Ranh xí nghiệp nước đá       | Hết ranh cây xăng Hòa Hà           |

|    |                                  |                                 |                                         |
|----|----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------|
|    |                                  | Ranh cây xăng Hòa Hà            | Hết ranh công Tám An                    |
|    |                                  | Ranh công Tám An                | Hết ranh cây xăng Hồng Quân             |
|    |                                  | Ranh cây xăng Hồng Quân         | Ranh Bến Xe Kinh Cùng                   |
|    |                                  | Cây xăng Mỹ Tân                 | Cổng Hai Bình                           |
|    |                                  | Cổng Hai Bình                   | Hết ranh cây xăng số 17                 |
|    |                                  | Ranh cây xăng số 17             | Cầu Xẻo Trâm                            |
| 3  | Đường tỉnh 927                   | Cầu Sậy Niều                    | Cầu Đất Sét                             |
|    |                                  | Cầu Đất Sét                     | Cầu Kênh Tây                            |
|    |                                  | Cầu Kênh 82                     | Cầu Xáng Bộ                             |
|    |                                  | Cầu Xáng Bộ                     | Cầu Rạch Cũ                             |
|    |                                  | Cầu Rạch Cũ                     | Cầu Cái Sơn                             |
|    |                                  | Cầu Cái Sơn                     | Cầu Kênh Trúc Thọt                      |
|    |                                  | Cầu Kênh Trúc Thọt              | Cầu Móng                                |
| 4  | Đường tỉnh 928                   | Cầu Ba Láng                     | Kênh Mụ Thê                             |
|    |                                  | Kênh Mụ Thê                     | Ranh xã Hòa Mỹ                          |
|    |                                  | Cầu La Bách                     | Kênh Ba Hiền                            |
|    |                                  | Kênh Ba Hiền                    | Kênh Bảy Lăm                            |
|    |                                  | Kênh Bảy Lăm                    | Ranh thị trấn Cây Dương                 |
|    |                                  | Cầu La Bách                     | Ranh xã Thạnh Hòa                       |
|    |                                  | UBND xã Tân Phước Hưng          | Hết ranh đất hộ Bạch Vũ Lâm             |
|    |                                  | Ranh đất hộ Bạch Vũ Lâm         | Giáp ranh xã Hiệp Hưng                  |
|    |                                  | UBND xã Hiệp Hưng               | Kênh Châu Bộ                            |
|    |                                  | UBND xã Hiệp Hưng               | Kênh Giải Phóng                         |
|    |                                  | Ranh Nhị Tỷ (xã Tân Phước Hưng) | Cầu Ranh Ấn                             |
|    |                                  | Cầu Ranh Ấn                     | Hết ranh đất nhà Út Sao                 |
|    |                                  | Ranh đất nhà Út Sao             | Hết ranh đất ông Trần Ngọc Anh          |
|    |                                  | Ranh đất ông Trần Ngọc Anh      | Cầu Xẻo Xu                              |
| 5  | Đường tỉnh 929                   | Cầu Tân Hiệp                    | Ranh thị trấn Một Ngàn                  |
| 6  | Đường về trung tâm xã Phụng Hiệp | Cầu ngã tư Đất Sét              | Cầu Kênh Tây giáp xã Hòa Mỹ             |
| 7  | Đường về xã Tân Phước Hưng       | Ranh cầu mới Mười Biều          | Kênh Sáu Hiều                           |
|    |                                  | Kênh Sáu Hiều                   | Cổng Năm Tài                            |
|    |                                  | Cổng Năm Tài                    | Cầu Mười Lê (giáp ranh phường Lái Hiều) |
| 8  | Đi xã Long Thạnh                 | Quốc lộ 1                       | Trụ Sở UBND xã Long Thạnh               |
| 9  | Đi xã Đông Phước                 | Quốc lộ 1                       | Ranh cầu qua xã Đông Phước              |
| 10 | Đi về cầu Nhị Hồng               | Đầu cầu nhà Năm Bích            | Hết ranh đất nhà Đinh Văn Vẹn           |

|    |                       |                                               |                                               |
|----|-----------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
|    |                       | Ranh đất nhà Đinh Văn Vẹn                     | Đầu cầu Nhị Hồng                              |
| 11 | Đi Phố 10 Căn         | Đầu Mường Lộ Quốc lộ 1                        | Cầu Xáng Bộ                                   |
| 12 | Đi ấp 2 xã Thạnh Hòa  | Cầu Xáng Bộ                                   | Rạch Bà Triệu                                 |
| 13 | Đi ấp 3 xã Thạnh Hòa  | Ranh UBND xã Thạnh Hòa                        | Cầu Sơn Đài                                   |
|    |                       | Giáp Quốc lộ 61                               | Hết ranh UBND xã Thạnh Hòa                    |
| 14 | Lộ Thanh Niên         | Quốc lộ 61                                    | Sông Tầm Vu                                   |
| 15 | Chợ Cái Sơn           | Kênh Tư So và các đường nội ô chợ             | Ranh Ba Lập                                   |
| 16 | Chợ Long Thạnh        | Quốc lộ 1                                     | Kênh Mường Lộ (Quốc lộ 1)                     |
|    |                       | Quốc lộ 1                                     | Cầu qua Trường THCS Long Thạnh                |
| 17 | Chợ Tân Long          | Quốc lộ 1                                     | Nhà máy nước                                  |
|    |                       | Quốc lộ 1                                     | Bến đò Ngã Sáu                                |
|    |                       | Ranh Bến đò Ngã Sáu                           | Ranh xã Đông Phước                            |
| 18 | Đường lộ chợ Búng Tàu | Giáp ranh móng cầu cũ Búng Tàu                | Ranh Nhị Tỳ<br>(đường cặp kênh xáng Búng Tàu) |
|    |                       | Giáp chân móng cầu cũ Búng Tàu (nhà anh Tiên) | Đến hết ranh đất nhà anh Nguyễn Văn Mỹ        |
|    |                       | Giáp ranh móng cầu cũ Búng Tàu                | Cầu mới Tỉnh lộ 928B (đường cặp Kênh Ngang)   |
| 19 | Chợ Rạch Gòi          | Quốc lộ 61                                    | Cầu Sắt cũ Rạch Gòi                           |
|    |                       | Đường tỉnh 928                                | Hai đường cặp dãy nhà lồng chợ                |
| 20 | Chợ Hòa Mỹ            | Đường tỉnh 928                                | Các đường nội ô chợ                           |

### 3. Đất ở tại thị trấn

| Số TT | Tên đường                           | Giới hạn                              |                                          |
|-------|-------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------|
|       |                                     | Từ                                    | Đến                                      |
| 1     | Quốc lộ 61                          | Bến xe Kinh Cù                        | Giáp ranh đường vào kênh Tám Ngàn Cụt    |
|       |                                     | Giáp ranh đường vào kênh Tám Ngàn Cụt | Cầu Kênh Giữa                            |
|       |                                     | Cầu Kênh Giữa                         | Hết cây xăng Mỹ Tân                      |
| 2     | Đường song song QL 61 (TT. Kinh Cù) | Cầu Mầu Giáo Sơn Ca                   | Giáp ranh đất ao cá Mỹ Anh               |
|       |                                     | Chùa Long Hòa Tự                      | Giáp ranh xã Hòa An                      |
| 3     | Đường tỉnh 927                      | Cầu vượt thị trấn Cây Dương           | Cầu số 4 và đến đường dẫn Cây Dương      |
|       |                                     | Cầu số 4                              | Hết ranh đất Trường Tiểu học Cây Dương 2 |

|   |                                |                                      |                                    |
|---|--------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|
|   |                                | Ranh đất Trường Tiểu học Cây Dương 2 | Kênh Tư Sấm                        |
|   |                                | Kênh Tư Sấm                          | Cầu Kênh 82                        |
|   |                                | Cầu vượt thị trấn Cây Dương          | Giáp Lộ 26/3                       |
|   |                                | Ranh Lộ 26/3                         | Cầu Kênh Tây                       |
| 4 | Đường tỉnh 928                 | Nhà Huỳnh Yến                        | Hết ranh nhà Sáu Miếu              |
|   |                                | Nhà Sáu Miếu                         | Ranh cầu vượt thị trấn Cây Dương   |
|   |                                | Đầu đường dẫn cầu Cây Dương          | Kênh Huỳnh Thiện                   |
|   |                                | Kênh Huỳnh Thiện                     | Kênh Trường Học                    |
|   |                                | Cuối đường dẫn cầu Cây Dương         | Kênh Hai Hùng                      |
|   |                                | Kênh Hai Hùng                        | Cầu kênh Châu Bộ                   |
|   |                                | Đầu đường dẫn cầu Cây Dương          | Cuối đường dẫn cầu Cây Dương       |
|   |                                | Kênh Lái Hiếu                        | Giáp ranh đất nhà Thầy An          |
| 5 | Chợ thị trấn Kinh Cù           | Cầu Kênh Giữa                        | Kênh chợ thị trấn Kinh Cù          |
|   |                                | Cầu Kênh Chợ                         | Đường xuống Nhà máy nước           |
|   |                                | Giáp ranh nhà ông Trần Văn Phùng     | Đường xuống Nhà máy nước           |
|   |                                | Nhà máy nước                         | Cầu Lộ Tám Ngàn Cụt                |
|   |                                | Đường xuống Nhà máy nước             | Nhà ông Nhanh (đối diện nhà ông H) |
| 6 | Hai đường cặp dãy nhà lồng chợ | Quốc lộ 61                           | Kênh chợ thị trấn Kinh Cù          |
| 7 | Đường xuống Nhà máy nước       | Quốc lộ 61                           | Kênh chợ thị trấn Kinh Cù          |
| 8 | Đường vào kênh Tám Ngàn Cụt    | Quốc lộ 61                           | Cầu kênh Tám Ngàn Cụt              |

## VI. HUYỆN CHÂU THÀNH A

### 1. Đất nông nghiệp

#### a. Đơn giá

| Vị trí | Giá đất | Đất trồng cây hàng năm và đất nuôi trồng thủy sản |        | Đất trồng cây lâu năm |
|--------|---------|---------------------------------------------------|--------|-----------------------|
|        |         | Nhóm 2                                            | Nhóm 1 | Nhóm 2                |
| 1      |         | 40.000                                            | 45.000 | 50.000                |
| 2      |         | 35.000                                            | 40.000 | 45.000                |
| 3      |         | 30.000                                            | 35.000 | 40.000                |
| 4      |         | -                                                 | -      | -                     |

Trong đó:

Nhóm 1: Thị trấn Cái Tắc, xã Tân Phú Thạnh, thị trấn Rạch Gòi, xã Thạnh Xuân, thị trấn Mỹ Hòa, thị trấn Bảy Ngàn.

Nhóm 2: Xã Nhơn Nghĩa A, xã Trường Long Tây, xã Trường Long A, xã Tân Hòa.

**b. Xác định vị trí**

| Tên đơn vị         | Vị trí                                                                           |                                                                                                                                          |              |
|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
|                    | 1                                                                                | 2                                                                                                                                        |              |
| Thị trấn Cái Tắc   | Ấp: Tân Phú, Tân Phú A, Tân An, Long An A, Long An B                             | Ấp Long An                                                                                                                               |              |
| Xã Tân Phú Thạnh   | Ấp: Phú Thạnh, Phú Lợi                                                           | Ấp: Tân Thạnh Tây, Thạnh Lợi, Thạnh Lợi A, Thạnh Mỹ A, Thạnh Mỹ, Thạnh Phú                                                               |              |
| Thị trấn Rạch Gòi  | Ấp: Thị Tứ, Láng Hầm, Láng Hầm A, Xáng Mới, Xáng Mới A, Xáng Mới B, Xáng Mới C   | -                                                                                                                                        |              |
| Xã Thạnh Xuân      | Ấp: Xẻo Cao, Láng Hầm C                                                          | Ấp: Xẻo Cao A, Láng Hầm B, Trầu Hôi, Trầu Hôi A, So Đũa Lớn, So Đũa Bé                                                                   |              |
| Thị trấn Một Ngàn  | Ấp: 1A, Thị Tứ, Tân Lợi, Nhơn Thuận 1A                                           | Ấp: 1B, Nhơn Xuân, Nhơn Lộc                                                                                                              |              |
| Thị trấn Bảy Ngàn  | Ấp: 2A, 3A, 4A, 2B, 3B, 4B, Thị Tứ (từ kênh Xáng Xà No đến kênh Sáu Thước)       | Ấp: 2A, 3A, 4A, Thị Tứ (từ kênh Sáu Thước đến kênh ranh giáp xã Tân Bình); ấp 2B, 3B, 4B (từ kênh Sáu Thước đến ranh xã Trường Long Tây) |              |
| Xã Nhơn nghĩa A    | Ấp: Nhơn Thuận 1, Nhơn Thuận 1A, Nhơn Thuận 1B, Nhơn Phú, Nhơn Phú 1, Nhơn Phú 2 | Ấp: Nhơn Ninh, Nhơn Hòa, Nhơn Thọ                                                                                                        |              |
| Xã Trường Long Tây | Ấp: Trường Thọ, Trường Thọ A, Trường Thuận A                                     | Ấp Trường Phước                                                                                                                          | Ấp: Tr Phước |

|                  |                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                            |  |
|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
| Xã Trường Long A | Ấp: Trường Hòa, Trường Hòa A, Trường Hưng, Trường Bình, Trường Hiệp, Trường Hiệp A                                                                                                               | Ấp: Trường Bình A, Trường Lợi, Trường Lợi A, Trường Thắng                                                                                                                                                                  |  |
| Xã Tân Hòa       | Ấp: 1A (xã Tân Hòa cũ); 1A (xã Tân Thuận cũ); 2A, 3A (từ kênh Xáng Xà No đến kênh Thầy Ký 1,5 km); 1B (xã Tân Hòa cũ); 1B (xã Tân Thuận cũ); 2B, 3B (đoạn từ kênh Xáng Xà No đến kênh Sáu Thước) | Phần còn lại các ấp 1A (xã Tân Hòa cũ); 1A (xã Tân Thuận cũ); 2A, 3A (từ kênh Thầy Ký đến kênh ranh giáp huyện Phụng Hiệp); 1B (xã Tân Hòa cũ); 4B, 5B (từ kênh Sáu Thước đến kênh ranh xã Trường Long Tây, Trường Long A) |  |

## 2. Đất ở tại xã

| Số TT | Tên đường            | Giới hạn                               |                                                   |
|-------|----------------------|----------------------------------------|---------------------------------------------------|
|       |                      | Từ                                     | Đến                                               |
| 1     | Quốc lộ 1            | Từ ranh thành phố Cần Thơ              | Cầu số 10                                         |
|       |                      | Cầu số 10                              | Cầu Đất Sét                                       |
| 2     | Quốc lộ 61           | Cầu Cái Tắc                            | Cổng Mâm Thao                                     |
|       |                      | Cổng Mâm Thao                          | Ranh ấp Láng Hàm (hết ranh Công ty TNHH Trí Hưng) |
| 3     | Đường tỉnh 925       | Bệnh Viện số 10                        | Giáp ranh huyện Châu Thành                        |
| 4     | Đường tỉnh 932       | Kênh Xáng Mới                          | Kênh Trầu Hôi                                     |
|       |                      | Kênh 1.000                             | Kênh 1.300 (tỉnh lộ 932 mới)                      |
| 5     | Đường tỉnh lộ 926    | Từ cầu 1.000 (UBND xã Trường Long A)   | Cầu 4.000 (ấp Trường Phước, xã Trường Long Tây)   |
|       |                      | Từ cầu 4.000 (UBND xã Trường Long Tây) | Kênh 7.000                                        |
|       |                      | Kênh 7.000                             | Kênh 8.000 (giáp xã Vị Bình)                      |
| 6     | Đường Hương Lộ 12 cũ | Từ kênh 1.000                          | Đoạn kênh 1.300 (thuộc xã Tân Hòa)                |
|       |                      | Đoạn kênh 1.300                        | Đoạn kênh 2.000                                   |
|       |                      | Đoạn kênh 2.000                        | Đoạn kênh 3.500                                   |
|       |                      | Đoạn kênh 3.500                        | Đoạn kênh 4.000 (khu vực chợ 3.500)               |
|       |                      | Đoạn 4.000                             | Đoạn kênh 5.000                                   |

|   |                                         |                                                    |                                                                              |
|---|-----------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| 7 | Nguyễn Việt Hồng                        | Đầu lộ 932 thuộc ấp Nhơn Thuận 1B, xã Nhơn Nghĩa A | Cầu Xà No Cạn                                                                |
|   |                                         | Cầu Xà No Cạn                                      | Kênh Thủy Lợi (hết ranh nhà ông Phùng Văn Bông)                              |
|   |                                         | Quốc lộ 61                                         | Kênh Láng Hầm (sông Ba Láng)                                                 |
| 8 | Trục đường trung tâm thị trấn Một Ngàn  | Kênh 1.000                                         | Đoạn kênh 1.300 thuộc xã Tân Hòa (nhà bác sĩ Thanh), giáp đường tỉnh 932 mới |
| 9 | Tuyến cấp sông Ba Láng (hướng về QL 1A) | Cầu số 10                                          | Cầu Đất Sét                                                                  |

### 3. Đất ở tại thị trấn

| Số TT | Tên đường                            | Giới hạn                                                              |                                            |
|-------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
|       |                                      | Từ                                                                    | Đến                                        |
| 1     | Đường nội bộ chợ Cái Tắc             | Buru điện thị trấn Cái Tắc                                            | Cầu Tàu                                    |
|       |                                      | Các đoạn còn lại trong nội bộ chợ Cái Tắc                             |                                            |
| 2     | Quốc lộ 1                            | Cầu Đất Sét                                                           | Cua quẹo nhà thờ Cái Tắc (đất ông Tư Ninh) |
|       |                                      | Cua quẹo nhà thờ Cái Tắc (đất ông Tư Ninh)                            | Trại gà chị Ngộ (ấp Long An A)             |
|       |                                      | Trại gà chị Ngộ (ấp Long An A)                                        | Giáp ranh xã Long Thạnh (huyện Phụng Hiệp) |
| 3     | Quốc lộ 61                           | Ngã ba Cái Tắc (QL1)                                                  | Cầu Cái Tắc                                |
| 4     | Quốc lộ 1 cũ                         | Quốc lộ 61                                                            | Hết ranh Trường Tiểu học thị trấn Cái Tắc  |
|       |                                      | Trường Tiểu học thị trấn Cái Tắc                                      | Ranh Quốc lộ 1                             |
| 5     | Đường Chùa Miên                      | Quốc lộ 61                                                            | Cổng Cả Bảo                                |
| 6     | Đường lộ chợ thị trấn Một Ngàn       | Cầu 500                                                               | Kênh 1.000                                 |
|       |                                      | Cầu 500                                                               | Cầu Tàu cũ (nhà lồng chợ cũ)               |
|       |                                      | Cầu Tàu cũ (nhà lồng chợ cũ)                                          | Tượng đài chiến thắng chi khu 1.000        |
|       |                                      | Tượng đài chiến thắng chi khu 1.000                                   | Đầu kênh Tân Hiệp (giáp sông Xáng Xà No)   |
|       |                                      | Đầu kênh Tân Hiệp (giáp sông Xáng Xà No)                              | Trường Tâm Vu 3                            |
| 7     | Đôi diện chợ Một Ngàn (TT. Một Ngàn) | Tuyến lộ GTNT cấp dọc theo sông Xáng Xà No (ấp 1B, thị trấn Một Ngàn) |                                            |
|       |                                      | Cấp dọc theo sông Xáng Xà No (ấp 2B)                                  |                                            |

|    |                                        |                                                                          |                                                                  |
|----|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 8  | Đường tỉnh 929                         | Ranh Trường Tầm Vu 3                                                     | Kênh Tư Bù                                                       |
|    |                                        | Kênh Tư Bù                                                               | Kênh Hai Tây                                                     |
|    |                                        | Kênh Hai Tây                                                             | Kênh Ba Bọng                                                     |
|    |                                        | Kênh Ba Bọng                                                             | Kênh ranh giáp huyện Phụng Hiệp                                  |
| 9  | Trục đường trung tâm thị trấn Một Ngàn | Đầu lộ 929                                                               | Kênh 500                                                         |
|    |                                        | Kênh 500                                                                 | Kênh 1.000                                                       |
| 10 | Đường tỉnh lộ 932 (mới)                | Cầu Tân Hiệp (cầu vượt giáp lộ 929)                                      | Kênh 500                                                         |
|    |                                        | Kênh 500                                                                 | Kênh 1.000                                                       |
|    |                                        | Cầu Tân Hiệp (cầu vượt kênh Tân Hiệp)                                    | Kênh Xáng Mới                                                    |
| 11 | Quốc lộ 61                             | Ranh ấp Láng Hầm                                                         | Ranh ấp Thị Tứ                                                   |
|    |                                        | Từ ranh ấp Thị Tứ                                                        | UBND thị trấn Rạch Gòi                                           |
|    |                                        | Từ UBND thị trấn Rạch Gòi                                                | Ngã ba chợ Rạch Gòi (hết ranh nhà L Khoa)                        |
| 12 | Đường nội bộ chợ Rạch Gòi              | Từ ngã ba Rạch Gòi                                                       | Cầu Ba Láng                                                      |
|    |                                        | Cầu Ba Láng                                                              | Cầu Vĩnh 1                                                       |
|    |                                        | Cầu Vĩnh 2 - Cầu Vĩnh 1 - Cổng ấp văn hóa Thị Tứ (giáp ranh ấp Láng Hầm) |                                                                  |
|    |                                        | Cầu Vĩnh 2                                                               | Quán chợ Năm Tiễn                                                |
|    |                                        | Cầu Sắt cũ                                                               | Ngã ba Rạch Gòi                                                  |
|    |                                        | Các đoạn đường còn lại trong chợ Rạch Gòi                                |                                                                  |
| 13 | Các ấp còn lại                         | Ấp: Láng Hầm, Láng Hầm A, Xáng Mới, Xáng Mới A, Xáng Mới B               |                                                                  |
|    |                                        | Xáng Mới C, các đoạn đường còn lại ấp Thị Tứ                             |                                                                  |
| 14 | Đường Hương Lộ 12 cũ                   | Đoạn 5.000                                                               | Đoạn 6.500                                                       |
|    |                                        | Đoạn 6.500                                                               | Đoạn 7.000 (trung tâm khu vực chợ 7.000), hướng Đông giáp lộ 932 |
|    |                                        | Hướng Tây giáp kênh Xáng Xà No (khu vực chợ 7.000)                       |                                                                  |
|    |                                        | Đoạn 7.000                                                               | Đoạn 8.000                                                       |
| 15 | Đổi diện chợ Bảy Ngàn                  | Đoạn 6.500                                                               | Đoạn 7.000                                                       |
|    |                                        | Đoạn 7.000                                                               | Đoạn 8.000                                                       |

## VII. HUYỆN CHÂU THÀNH

## 1. Đất nông nghiệp

### a. Đơn giá

| Vị trí \ Giá đất | Đất trồng cây hàng năm và đất nuôi trồng thủy sản |        | Đất trồng cây lâu năm |
|------------------|---------------------------------------------------|--------|-----------------------|
|                  | Nhóm 2                                            | Nhóm 1 | Nhóm 2                |
| 1                | 40.000                                            | 45.000 | 50.000                |
| 2                | 35.000                                            | 40.000 | 45.000                |
| 3                | -                                                 | -      | -                     |

Trong đó:

Nhóm 1: Thị trấn Ngã Sáu, ấp Phú Quới (xã Đông Thạnh).

Nhóm 2: Các ấp của các xã còn lại.

### b. Xác định vị trí

| Tên đơn vị       | Vị trí                                                                                           |                |
|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
|                  | 1                                                                                                | 2              |
| Thị trấn Ngã Sáu | Ấp: Thị Trấn, Phước Thuận, Thuận Hưng, Tân Hưng                                                  | Các ấp còn lại |
| Xã Phú Hữu       | Ấp: Phú Lợi, Phú Lợi A, Phú Trí A, Phú Trí B, Phú Trí B1, Phú Lễ, Phú Lễ A, Phú Tân A, Phú Nghĩa | Các ấp còn lại |
| Xã Phú Hữu A     | Ấp: Phú Xuân, Phú Xuân A, Phú Đông, Phú Thạnh, Phú Bình                                          | Các ấp còn lại |
| Xã Đông Phước    | Ấp: Đông Bình, Đông Sơn, Đông Lợi, Đông Lợi A, Đông Lợi B                                        | Các ấp còn lại |
| Xã Đông Phước A  | Ấp: Tân Long, Phước Long, Phước Hưng, Hưng Thạnh, Tân Thuận                                      | Các ấp còn lại |
| Xã Đông Thạnh    | Ấp: Thạnh Thới, Thạnh Thuận, Phước Thạnh, Phú Quới, Thạnh Long                                   | Các ấp còn lại |
| Xã Đông Phú      | Ấp: Phú Hòa, Phú Hưng, Phú Nhơn                                                                  | Các ấp còn lại |
| Xã Phú An        | Ấp Khánh Hội B                                                                                   | Các ấp còn lại |

### 1. Đất ở tại xã

| Số TT | Tên đường                | Giới hạn                          |                                                |
|-------|--------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------|
|       |                          | Từ                                | Đến                                            |
| 1     | Quốc lộ 1                | Cầu Rạch Vong                     | Cầu Đất Sét                                    |
|       |                          | Đầu lộ Thầy Cai                   | Ranh ấp Trường Khánh                           |
| 2     | Đường cặp sông Cái Chanh | Cầu kênh Thủy Lợi (cua Cái Chanh) | Cầu Cái Chanh vị trí mới                       |
| 3     | Đường tỉnh 925 cũ        | Ranh Châu Thành A                 | Ranh thị trấn Ngã Sáu (giáp với xã Đông Thạnh) |

|    |                                        |                                             |                      |
|----|----------------------------------------|---------------------------------------------|----------------------|
|    | và đường tỉnh 925 mới (do chỉnh tuyến) |                                             | Phước A)             |
|    |                                        | Ranh thị trấn Ngã Sáu (giáp với xã Phú Hữu) | UBND xã Phú Hữu      |
| 4  | Đường về xã Phú Hữu A                  | UBND xã Phú Hữu                             | Quốc lộ Nam Sông Hậu |
|    |                                        | Quốc lộ Nam Sông Hậu                        | Chợ Mái Dầm          |
| 5  | Đường về xã Đông Phước                 | Cầu Tràm Bông                               | UBND xã Đông Phước   |
| 6  | Đường về xã Đông Phú                   | Cầu Vàm Cơ Ba                               | UBND xã Đông Phú     |
| 7  | Đường về xã Đông Thạnh                 | Cầu Cái Chanh (cũ)                          | UBND xã Đông Thạnh   |
| 8  | Đường về xã Phú An                     | Vàm Cơ Ba                                   | Ngọn Cơ Ba           |
| 9  | Lộ Cái Chanh - Phú An - Đông Phú       |                                             | Suốt tuyến           |
| 10 | Khu dân cư vượt lũ xã Phú Hữu A        |                                             | Cả khu               |

### 3. Đất ở tại thị trấn

| Số TT | Tên đường                                            | Giới hạn                                     |                          |
|-------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------|
|       |                                                      | Từ                                           | Đến                      |
| 1     | Đường tỉnh 925                                       | Ranh thị trấn Ngã Sáu (giáp xã Đông Phước A) | Mốc 1,5km                |
|       |                                                      | Mốc 1,5km                                    | Cầu Cái Dầu              |
|       |                                                      | Cầu Cái Dầu                                  | Ranh xã Phú Hữu          |
| 2     | Đường về xã Đông Phước                               | Đường tỉnh 925                               | Cầu Xẻo Chòi             |
|       |                                                      | Cầu Xẻo Chòi                                 | Cầu Tràm Bông            |
| 3     | Đường về xã Đông Phú                                 | Đường tỉnh 925                               | Cầu Ngã Cạy              |
|       |                                                      | Cầu Ngã Cạy                                  | Cầu Vàm Cơ Ba            |
| 4     | Đường cặp sông Cái Dầu, Cái Muồng (phía chợ Ngã Sáu) | Mốc 1,5km                                    | Cầu Cái Dầu              |
| 5     | Đường vào Trường Mầm non Ánh Dương                   | Cầu Xẻo Chòi                                 | Trường Mầm non Ánh Dương |
|       |                                                      | Trường Mầm non Ánh Dương                     | Đường tỉnh 925           |
| 6     | Khu Dân cư vượt lũ Ngã Sáu                           |                                              | Cả khu                   |

7

Khu Dân cư - Thương mại Thiện Phúc (không áp dụng đối với các lô đất cấp tỉnh lộ 925)

Cả khu (đối với các tuyến đường)

